



# HOTS-Oriented Module: Project-Based Learning

Author:  
SEAQIL's Team




Publisher:  
SEAMEO QITEP in Language



# HOTS-Oriented Module: Project-Based Learning

---



**Author Team:**

Hasanatul Hamidah

Talitha Ardelia Syifa Rabbani

Susi Fauziah

Rizma Angga Puspita

Reski Alam Gasalba

Nirwansyah

**Publisher:**

SEAMEO QITEP in Language

# HOTS-Oriented Module: Project-Based Learning

**Advisor:**

Luh Anik Mayani

**Contributor:**

Esra Nelvi M. Siagian

**Supervisor:**

Itra Safitri

**Author Team:**

Hasanatul Hamidah

Talitha Ardelia Syifa Rabbani

Susi Fauziah

Rizma Angga Puspita

Reski Alam Gasalba

Nirwansyah

**Translator Team:**

SEAMEO RETRAC Translation Team

**Copy Editor:**

Tran Thi Phuong

**Illustrator:**

Riko Rachmat Setiawan

**Layouter:**

Riko Rachmat Setiawan

**ISBN:**

978-623-98478-2-1

**E-ISBN:**

978-623-98478-1-4

**Publisher:**

SEAMEO QITEP in Language

**Address:**

SEAMEO QITEP in Language

Jalan Gardu, Srengseng Sawah, Jagakarsa Jakarta Selatan, 12640 Indonesia

Tel: +62 21 7888 4106, Fax: +62 21 7888 4073

[www.qiteplanguage.org](http://www.qiteplanguage.org)

First edition (English Version): 2020

© 2021 SEAMEO QITEP in Language

All right reserved. No part of this book may be reproduced in any form without permission from the publisher, except for the inclusion of brief quotations in a review.

# LỜI NÓI ĐẦU

Trung tâm Khu vực về ngôn ngữ của Tổ chức SEAMEO tại Indonesia (SEAQIL) với nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng của giáo viên giảng dạy ngôn ngữ trong khu vực Đông Nam Á đã thiết kế các chương trình đào tạo dựa trên chính sách của khu vực và chính sách quốc gia do Bộ Giáo dục và Văn hóa nước Cộng hòa Indonesia (Kementerian Pendidikan dan Kebudayaan/Kemendikbud) đề ra. Đây là những nhiệm vụ trong kế hoạch chiến lược của Bộ Giáo dục và Văn hóa Indonesia định hướng theo Kế hoạch phát triển trung hạn quốc gia giai đoạn 2015—2019 (Rencana Pembangunan Jangka Menengah Nasional/RPJMN 2015—2019)-I và theo 7 Lĩnh vực Ưu tiên của SEAMEO.

Chính sách quốc gia của Indonesia (RPJMN-III) có mục tiêu là tạo ra nguồn nhân lực, điển hình là những giáo viên đáp ứng tiêu chuẩn của khu vực để có thể cạnh tranh với giáo viên từ các quốc gia khác. Mục tiêu này có thể đạt được bằng cách phát triển các dịch vụ giáo dục có chất lượng và thực thi Chương trình giáo dục năm 2013 của Indonesia với mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp của giáo viên. Nâng cao tính chuyên nghiệp của giáo viên cũng là mục tiêu của Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO) với một trong những chương trình ưu tiên của tổ chức là nâng cấp chương trình đào tạo giáo viên.

Dựa trên chính sách quốc gia và khu vực, để nâng cao trình độ chuyên môn của giáo viên giảng dạy ngôn ngữ, Trung tâm đã thực hiện Chương trình Giáo dục và Đào tạo về Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ dựa trên định hướng kỹ năng tư duy bậc cao (HOTS - Higher Order Thinking Skills). Do đó, giáo viên có thể áp dụng những hoạt động sử dụng phương pháp giảng dạy theo định hướng kỹ năng tư duy bậc cao, một trong những kỹ năng được phát triển trong chương trình giáo dục của thế kỷ 21. Giáo viên có thể hỗ trợ học sinh phát triển tư duy phản biện, tư duy logic, phản ánh, siêu nhận thức và sáng tạo bằng cách áp dụng kỹ năng tư duy bậc cao trong học tập.

Để hỗ trợ công tác đào tạo giáo viên ngôn ngữ, Trung tâm đã phát triển một học phần (Module) về phương pháp học tập này. Học phần được thiết kế bao gồm những khái niệm đi đôi với các mô hình minh họa thực tế và được sử dụng như tài liệu hướng dẫn cho giáo viên. Học phần này được biên soạn thông qua một số quy trình như thảo luận với nhóm chuyên gia giảng dạy, hội thảo về đánh giá và thử nghiệm học phần với sự tham gia của các giáo viên với tư cách là người tham gia trả lời phỏng vấn và người đánh giá học phần này.

Cuối cùng, chúng tôi hy vọng học phần này sẽ mang lại một số lợi ích cho giáo viên, đặc biệt là những người tham gia khóa đào tạo. Rất mong nhận được mọi ý kiến đóng góp và đề xuất để cải thiện chất lượng chương trình.

Jakarta, Tháng Hai 2019

Giám đốc,

Bambang Indriyanto

NIK 19580910201701130

## LỜI CẢM ƠN

Ấn phẩm này sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự đóng góp và hỗ trợ của các đơn vị cùng phối hợp. Vì vậy, nhân cơ hội này, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý đối tác.

Khởi xướng vào năm 2018 khi Tiến sĩ Bambang Indriyanto Giám đốc Trung tâm Khu vực về Ngôn ngữ của tổ chức SEAMEO tại Indonesia (SEAMEO-QITEP (2017—2019) bắt đầu phát triển các học phần cho các khóa đào tạo. Với những hiểu biết sâu sắc và sự hướng dẫn tận tình của ông, nhóm tác giả, cũng là nhân viên của Trung tâm, đã phát triển thành công ba học phần theo định hướng HOTS tập trung vào 03 phương pháp giảng dạy: phương pháp học tập khám phá, phương pháp học qua các bài tập dự án và phương pháp học dựa trên văn bản.

Từ lúc phát triển học phần cho đến quá trình hoàn thiện, nhóm tác giả đã nhận được sự hỗ trợ từ nhiều chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ như GS TS Nurul Murtadho, GS Suwarsih Madya, TS Safrina, Ths (học tập qua bài tập dự án), GS Emi Emilia, TS Tri Wiratno (học tập dựa trên văn bản) và TS Sri Setyarini (học tập khám phá).

Hơn nữa, chúng tôi mong muốn gửi lời cảm ơn đến 27 giáo viên ngôn ngữ từ DKI Jakarta và tỉnh Tây Java, đã xác nhận tính hợp lệ của các học phần trong Hội thảo Phát triển Tài liệu giảng dạy về Phương pháp Giảng dạy Ngôn ngữ dựa trên HOTS (Đợt 1 và 2). Chúng tôi cũng rất cảm kích sự đóng góp của 41 giáo viên ngôn ngữ từ Bắc Sumatera và Trung Java đã xem xét điểm mạnh và điểm yếu của các học phần tại hội thảo về Thử nghiệm tài liệu Phương pháp Giảng dạy Ngôn ngữ dựa trên định hướng HOTS.

Các học phần đầu tiên được viết bằng tiếng Bahasa Indonesia và dự định sẽ được sử dụng trong Khóa đào tạo về Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ dựa trên định hướng HOTS do Trung tâm tổ chức. Tuy nhiên, xét đến nhu cầu của giáo viên dạy ngoại ngữ trong khu vực Đông Nam Á, Trung tâm quyết định dịch các học phần sang tiếng

Anh để có thể phổ biến ở phạm vi rộng hơn. Do đó, chúng tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn đến các biên tập viên và dịch giả ngôn ngữ đã giúp chúng tôi tạo ra phiên bản tiếng Anh của các học phần này.

Cuối cùng, chúng tôi xin gửi lời tri ân đến Ban Giám đốc và nhân viên của SEAMEO QITEP về ngôn ngữ. Nếu không có sự hỗ trợ và cống hiến của toàn thể đội ngũ, học phần này sẽ không thực hiện được.

Tháng 12 năm 2020

TS Luh Anik Mayani

Giám đốc

# THÔNG ĐIỆP

Từ

**Tiến sĩ Hồ Thanh Mỹ Phương**

Giám đốc Trung tâm Đào tạo Khu vực của SEAMEO tại Việt Nam (SEAMEO RETRAC)

Ngoại ngữ là yếu tố then chốt, không thể thiếu cho sự phát triển và hội nhập quốc tế ngày nay. Rất nhiều phương pháp và hình thức giảng dạy và học ngoại ngữ đã được nghiên cứu, giới thiệu và áp dụng trong lịch sử dạy và học ngoại ngữ. Trong giai đoạn hiện nay, đứng trước nhu cầu của thế kỷ 21 về tư duy sáng tạo và đổi mới, các phương pháp học tập mới đã được giới thiệu và áp dụng nhiều nơi trên thế giới. Trong đó, một trong những phương pháp phổ biến rộng rãi ở các nước và được đánh giá cao về tính hiệu quả phải kể đến là phương pháp học ngoại ngữ qua bài tập dự án.

Phương pháp học qua bài tập dự án là hình thức học tập lấy học sinh làm trung tâm, dựa vào việc thực hiện các dự án trong và ngoài lớp học, hướng tới việc áp dụng kiến thức vào các hoạt động và nhiệm vụ học tập cụ thể, nâng cao tính tự chủ của người học và tính thực tiễn của nội dung dạy và học. Với các ưu thế đó, phương pháp này được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực giảng dạy khác nhau, bao gồm cả ngoại ngữ. Tuy vậy, ở nhiều nơi, nhất là các quốc gia đang phát triển, ứng dụng của phương pháp giáo dục này trong giảng dạy ngoại ngữ vẫn còn khá mới mẻ.

Với mong muốn đáp ứng nhu cầu học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm trong việc áp dụng phương pháp học qua bài tập dự án vào giảng dạy ngoại ngữ tại các nước trong khu vực Đông Nam Á và tại Việt Nam, Trung tâm SEAMEO RETRAC tiến hành chuyển ngữ sang Tiếng Việt ấn phẩm *Phương pháp học qua bài tập dự án* biên soạn bởi **Trung tâm Khu vực về ngôn ngữ của SEAMEO tại Indonesia (SEAQIL)**. Đây là một nguồn tư liệu hữu ích cung cấp cho giáo viên ngoại ngữ những

hướng dẫn cần thiết và kinh nghiệm thực tế trong việc tổ chức và ứng dụng hiệu quả phương pháp học qua bài tập dự án vào giảng dạy ngoại ngữ, góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học ngoại ngữ ở các nước trong khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng.

# LỜI TỰA

Đặc trưng của chương trình giáo dục năm 2013 của Indonesia là lấy học sinh làm trung tâm nhằm tăng cường sự tham gia tích cực của học sinh trong quá trình học tập. Hơn nữa, Kỹ năng Tư duy bậc cao (HOTS) của học sinh được kỳ vọng có thể được cải thiện. Do đó, để giúp giáo viên tổ chức các hoạt động học tập, học phần này được xem là tài liệu hướng dẫn giáo viên áp dụng phương pháp học tập theo định hướng tư duy bậc cao trong quá trình học ngoại ngữ.

Học phần này tập trung vào việc áp dụng mô hình học tập với các hoạt động có thể khuyến khích học sinh suy nghĩ theo cấp độ tư duy bậc cao. Học phần này được chia làm ba phần để chỉ ra cách đạt được mục tiêu của các hoạt động học tập ở cấp độ HOTS: 1) Khái niệm HOTS được gắn kết với các mục tiêu học tập dựa theo Thang đo cấp độ tư duy (Bloom Taxonomy) được Bloom Anderson và Krathwohl điều chỉnh, và các chiến lược đặt câu hỏi như một cách để khuyến khích người học đạt được HOTS, 2) Khái niệm về mô hình học tập theo định hướng HOTS, và 3) Minh họa về các phương pháp học tập theo định hướng HOTS qua hình thức giáo án dựa trên Năng lực cơ bản (Kompetensi Dasar/KD) và Chỉ số Năng lực (Indikator Pencapaian Kompetensi/IPK) theo Chương trình giáo dục năm 2013 của Indonesia.

Chương thứ nhất đề cập đến Thang cấp độ tư duy Bloom đã được Anderson và Krathwohl điều chỉnh (2001) (RBT) để mô tả khái niệm HOTS có thể đạt được bằng cách sử dụng các chiến lược đặt câu hỏi. Thang RBT phân loại các mục tiêu học tập dựa trên quá trình nhận thức và quá trình tiếp thu các thể loại kiến thức. Quá trình nhận thức bao gồm ghi nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Trong khi đó, kiến thức trong các tài liệu học tập bao gồm những kiến thức về hệ thống thuật ngữ (factual), về các phạm trù, khái niệm (conceptual), về quy trình thực hiện các kỹ năng chuyên biệt (procedural) và kiến thức siêu nhận thức (metacognitive). Học sinh

đạt được HOTS khi tham gia các hoạt động học tập đòi hỏi khả năng phân tích và đánh giá tài liệu học tập, và thậm chí tạo ra một sản phẩm được xem như là kết quả học tập. Cuối cùng, giáo viên có thể thiết kế các hoạt động học tập theo định hướng HOTS bằng cách áp dụng các phương pháp học tập được tích hợp các chiến lược đặt câu hỏi trong thực tế.

Chương thứ hai giới thiệu về các phương pháp học tập như phương pháp học tập khám phá, phương pháp học qua các bài tập dự án và phương pháp học dựa trên văn bản để đạt được các kỹ năng học tập và đổi mới của thế kỷ 21, gồm 04 kỹ năng 4Cs (tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác và sáng tạo) (P21, 2011). Phương pháp học tập này được lựa chọn vì có các đặc tính của học tập có ý nghĩa, lấy học sinh làm trung tâm, học tập chủ động và hợp tác. Cụ thể là chương này trình bày các khái niệm về phương pháp và giai đoạn học tập, thuận lợi và khó khăn của việc ứng dụng mô hình học tập và phương pháp đánh giá.

Chương thứ ba trình bày bảng minh họa phương pháp học tập sử dụng giáo án theo hướng dẫn của Chương trình giáo dục năm 2013 của Indonesia. Chương này bao gồm ba phần gồm phần giới thiệu chung, hướng dẫn xây dựng các chỉ số năng lực và mẫu giáo án.

# MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU .....	iii
LỜI CẢM ƠN .....	v
THÔNG ĐIỆP .....	vii
LỜI TỰA .....	ix
MỤC LỤC .....	xi
<b>CHƯƠNG I PHƯƠNG PHÁP HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG KỸ NÂNG TƯ DUY BẬC CAO.....</b>	<b>1</b>
1.1 Định nghĩa HOTS .....	3
1.2 Thang Bloom điều chỉnh.....	4
1.3 Chiến lược đặt câu hỏi.....	16
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	20
<b>CHƯƠNG II PHƯƠNG PHÁP HỌC QUA BÀI TẬP DỰ ÁN....</b>	<b>21</b>
2.1 Khái niệm của học qua bài tập dự án.....	22
2.1.1 Nguồn gốc của học qua bài tập dự án .....	22
2.1.2 Định nghĩa của học qua bài tập dự án.....	23
2.1.3 Nguyên tắc của học qua bài tập dự án .....	25
2.2 Các giai đoạn của học qua bài tập dự án.....	27
2.2.1 Chọn chủ đề dự án.....	28
2.2.2 Hoạt động tiền giao tiếp.....	29
2.2.3 Hỏi các câu hỏi thiết yếu .....	30
2.2.4 Thiết kế kế hoạch dự án .....	30
2.2.5 Lên kế hoạch chi tiết .....	31
2.2.6 Hoàn thành dự án .....	33
2.2.7 Kiểm tra dự án .....	33
2.2.8 Đánh giá dự án .....	34
2.3 Đánh giá về Học tập qua bài tập Dự án .....	34
2.3.1 Đánh giá định kỳ.....	34
2.3.2 Đánh giá thường xuyên .....	35
2.4 Thuận lợi và khó khăn trong việc áp dụng phương pháp học qua bài tập dự án.....	39
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	41

<b>CHƯƠNG III MINH HỌA PHƯƠNG PHÁP HỌC QUA BÀI</b>	
<b>TẬP DỰ ÁN</b> .....	<b>43</b>
3.1 Giới thiệu .....	44
3.2 Xây dựng IPK.....	44
3.3 Giáo án mẫu .....	48
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>67</b>
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>69</b>
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>70</b>



**CHƯƠNG I**  
**PHƯƠNG PHÁP HỌC THEO ĐỊNH**  
**HƯỚNG KỸ NĂNG TƯ DUY BẬC CAO**  
**(HOTS)**



# Phương Pháp Học Theo Định Hướng Kỹ Năng Tư Duy Bậc Cao (HOTS)

Bộ Giáo dục và Văn hóa Indonesia (Kemendikbud) nhấn mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng thế kỷ 21 thông qua Chương trình giáo dục năm 2013. Với tư cách là đầu tàu trong giáo dục, giáo viên được mong đợi sẽ có thể tạo điều kiện cho học sinh đạt được các kỹ năng học tập và đổi mới của thế kỷ 21, tức là đạt được 4 kỹ năng 4Cs gồm kỹ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác và sáng tạo (trang 21, 2011). Do đó, giáo viên nên sử dụng phương pháp giảng dạy có thể giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tư duy bậc cao (HOTS).

Chương này được chia thành ba phần gồm Định nghĩa HOTS, Thang cấp độ tư duy Bloom (điều chỉnh năm 2001) và Chiến lược đặt câu hỏi. Cả ba phần này đều diễn giải cách thức để đạt được mục tiêu học tập theo định hướng tư duy bậc cao theo thang cấp độ tư duy Bloom đã chỉnh sửa (RBT) của Anderson và các cộng sự (2001) thông qua sử dụng các chiến lược đặt câu hỏi. Phần thứ nhất giải thích định nghĩa HOTS được sử dụng trong học phần này liên quan đến thang cấp độ tư duy Bloom đã chỉnh sửa của Anderson và các cộng sự (2001) (gọi tắt là thang RBT). Thang đo này được phân loại là một quá trình chuyển hóa khả năng tư duy của học sinh là không chỉ ghi nhớ mà còn hiểu và sử dụng tài liệu học trên lớp để phân tích, đánh giá và sáng tạo. Trong trường hợp này, việc chuyển hóa gắn liền với việc học tập có ý nghĩa, trong đó học sinh có thể thực hành nội dung, kiến thức trong tài liệu đã học ở trường và điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của học sinh để tài liệu đó sẽ hữu ích trong cuộc sống hàng ngày.

Hơn nữa, trong phần thứ hai, thang RBT phân loại các mục tiêu học tập dựa trên quá trình nhận thức và tiếp thu kiến thức. Quá trình nhận thức gồm các quá trình ghi nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh

giá và sáng tạo. Trong khi đó, việc tiếp thu kiến thức qua tài liệu học tập bao gồm những kiến thức mang tính thực tế, khái niệm, quy trình, và siêu nhận thức. Trong phần thứ ba, các chiến lược đặt câu hỏi cũng chính là chiến lược giảng dạy mà giáo viên có thể áp dụng trong lớp học để thiết kế các hoạt động học tập theo định hướng HOTS.

## 1.1 Định nghĩa HOTS

Dựa vào mục tiêu học tập mà sinh viên đạt được, Brookhart (2010) phân loại Kỹ năng Tư duy bậc cao (HOTS) thành ba loại kỹ năng: (1) Chuyển hoá, (2) Tư duy phản biện; (3) Giải quyết vấn đề.

Trong loại đầu tiên, mục đích giảng dạy cho thấy học sinh đã có HOTS có thể thực hiện quá trình chuyển hóa tri thức. Với khả năng chuyển hóa tri thức, học sinh có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào bối cảnh mới. Cái mới ở đây là những điều mà trước đây họ chưa từng nghĩ tới.

Thuật ngữ chuyển hóa xuất phát từ Anderson và cộng sự (2001) cho rằng việc chuyển hóa yêu cầu học sinh không chỉ có khả năng ghi nhớ mà còn phải hiểu và áp dụng những gì học sinh đã học được.

Trong trường hợp này, việc chuyển hóa được kết hợp với việc học tập rất có ý nghĩa. Điều này nghĩa là học sinh có thể thực hành và áp dụng những kiến thức được học vào hoàn cảnh, điều kiện để tài liệu được học sẽ hữu ích trong cuộc sống hàng ngày.

Trong loại kỹ năng thứ hai, học sinh đạt được kỹ năng tư duy HOTS nếu họ có thể suy nghĩ theo hướng tư duy phản biện, và nhờ đó, học sinh có thể đưa ra những đánh giá khôn ngoan hoặc phản biện hợp lý. Khi đó, học sinh có thể đề xuất lý do, phản ánh và đưa ra quyết định đúng đắn. Điều cần lưu ý ở đây là khả năng đánh giá của học sinh. Trong thời hiện đại này, với vô số thông tin, học sinh cần có khả năng đánh giá độ tin cậy của một tài liệu tham khảo để quyết định thông tin đó có đáng tin cậy hay không.

Đối với loại kỹ năng thứ ba, học sinh có thể đạt kỹ năng tư duy HOTS ở mức độ cao nhất nếu họ có thể nhận ra và giải quyết các vấn đề không chỉ trong học tập mà còn trong cuộc sống hàng ngày. Brookhart (2010) cho rằng các vấn đề xảy ra khi học sinh muốn đạt được điều gì đó, nhưng họ không biết làm thế nào để đạt được điều đó. Vì vậy, để giải quyết vấn đề này, học sinh phải sử dụng HOTS. Nếu học sinh phát hiện một vấn đề mới, học sinh có thể nỗ lực một cách sáng tạo để giải quyết nó. Vì vậy, điều mấu chốt là khả năng sáng tạo.

HOTS, với tư cách là một quá trình chuyển hoá, là phương pháp phổ biến nhất so với hai loại hình còn lại. HOTS bao gồm 03 cấp độ cao nhất trong Thang Bloom và Thang Bloom được điều chỉnh năm 2001. Ba cấp độ cao nhất của Thang Bloom bao gồm Phân tích, Tổng hợp và Đánh giá. Trong đó, ba cấp độ hàng đầu trong quá trình nhận thức của Thang Bloom điều chỉnh năm 2001 là Phân tích, Đánh giá và Sáng tạo. Trong học phần này, HOTS được xem là một quá trình chuyển hoá, và tài liệu tham khảo chính là tài liệu của Anderson et al. (2001).

## 1.2 Thang Cấp độ Tư duy của Bloom (điều chỉnh năm 2001)

Năm 2001, Lorin W. Anderson, David R. Krathwohl và đồng nghiệp của ông (xem Anderson và cộng sự, 2001) đã công bố kết quả điều chỉnh của họ về Mục tiêu Học tập trong Giáo dục do Benjamin S. Bloom và cộng sự của ông phát triển vào năm 1956. Trong Thang cấp độ tư duy của Bloom, có sáu phạm trù của quá trình nhận thức từ tiếp thu *Kiến thức*, phát triển *Sự hiểu biết*, nâng cao kỹ năng *Ứng dụng*, *Phân tích*, *Tổng hợp* và *Đánh giá*. Sáu phạm trù được sắp xếp theo thứ bậc (cấp độ) dựa trên mức độ phức tạp và cụ thể từ cấp thấp nhất đến cấp cao nhất. Phương pháp phân loại này được sử dụng rộng rãi để phân loại những mục tiêu học tập và các hình thức đánh giá.

Trong Thang cấp độ tư duy Bloom đã được điều chỉnh (RBT), Anderson & Krathwohl đã chỉ ra hai khía cạnh để xác định mục tiêu học tập: kiến thức và quá trình nhận thức. Kiến thức gồm nội dung

chính được giảng dạy, trong khi quá trình nhận thức là sự mô tả các hành động được thực hiện thông qua nội dung tài liệu được truyền tải trong quá trình giảng dạy. Nói một cách đơn giản, kiến thức được xem như một danh từ, còn quá trình nhận thức được định nghĩa như một động từ.

Kiến thức được chia thành bốn loại gồm: kiến thức thực tế (factual), khái niệm (conceptual), quy trình (procedural) và siêu nhận thức (metacognitive). Trước khi chỉnh sửa, kiến thức trong Thang Bloom chỉ được chia thành ba loại: kiến thức thực tế, khái niệm và quy trình.

Bảng (1.1) so sánh sự khác biệt giữa Thang Bloom và Thang Bloom điều chỉnh (RBT), trong đó có ba điểm khác biệt cơ bản: (a) việc sử dụng danh từ trong Thang Bloom được chuyển thành động từ; (b) hoán đổi vị trí giữa kỹ năng đánh giá và kỹ năng tổng hợp, và (c) thay đổi thuật ngữ tổng hợp thành sáng tạo.

**Bảng 1.1 Những thay đổi trong bảng phân loại quá trình nhận thức**

Thang Bloom	Kiến thức	Sự hiểu biết	Ứng dụng	Phân tích	Tổng hợp	Đánh giá
Thang Bloom điều chỉnh	Ghi nhớ	Hiểu biết	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo

Dưới đây là giải thích chi tiết cho mỗi loại trong khía cạnh tri thức và quá trình nhận thức được mô tả trong bảng 1.2 và 1.3, trích dẫn từ Anderson và cộng sự (2001). Các tác giả đã tổng hợp các ví dụ cho mỗi loại bằng cách điều chỉnh ngữ cảnh cho phù hợp với việc dạy ngôn ngữ. Bên cạnh đó, động từ chức năng trong bảng 1.3 được điều chỉnh từ Retnawati et al. (2017).

**Bảng 1.2 Bảng phân loại Kiến thức**

Loại chính và loại phụ	Ví dụ
<b>a. Kiến thức thực tế (factual) – Là các yếu tố cơ bản mà sinh viên phải biết như làm thế nào để làm quen với các nguyên tắc khoa học hoặc để giải quyết các vấn đề trong đó</b>	
1) Kiến thức về thuật ngữ	Từ vựng, ký hiệu ngữ âm
2) Kiến thức về các chi tiết và yếu tố cụ thể	Bảng chữ cái, số, ngày, tháng
<b>b. Kiến thức về phạm trù, khái niệm – Là mối tương quan giữa các yếu tố cơ bản trong một cấu trúc đồng nhất lớn hơn cho phép mỗi yếu tố hoạt động cùng nhau</b>	
1) Kiến thức về phân loại và phạm trù	Phân loại từ: danh từ, động từ, tính từ, v.v.
2) Kiến thức về các nguyên tắc và khái quát	Hướng dẫn sử dụng và quy tắc của hệ thống chính tả Indonesia (Pedoman Umum Ejaan Bahasa Indonesia/PUEBI)
3) Kiến thức về lý thuyết, mô hình và cấu trúc	Các lý thuyết về văn bản, mô hình văn bản viết, cấu trúc câu chủ động/bị động
<b>c. Kiến thức về quy trình - Là cách thực hiện công việc; phương pháp điều tra; và tiêu chí sử dụng các kỹ năng, tiến trình công việc, kỹ thuật, và phương pháp</b>	
1) Kiến thức về các kỹ năng và thuật toán theo chủ đề cụ thể	Các kỹ năng sử dụng để tạo văn bản; làm thế nào để tạo một cuộc hội thoại
2) Kiến thức về các kỹ thuật và phương pháp theo chủ đề cụ thể	Kỹ thuật thuyết trình, đọc lướt, đọc hiểu chi tiết và phê bình văn học

3) Kiến thức về các tiêu chí để xác định thời điểm sử dụng các quy trình phù hợp	Các tiêu chí được sử dụng để xác định thời điểm sử dụng một loại văn bản
<b>d. Kiến thức siêu nhận thức – Là hướng dẫn cách thức đạt được kiến thức nói chung và nhận thức về cách một người tiếp thu kiến thức</b>	
1) Kiến thức chiến lược	Kiến thức để hiểu tiểu thuyết một cách dễ dàng và chính xác, kiến thức để đọc nhanh
2) Kiến thức về các nhiệm vụ nhận thức, bao gồm cả kiến thức về ngữ cảnh và điều kiện phù hợp	Kiến thức để có thể làm bài kiểm tra (nói hoặc viết) và bài tập ở trường một cách hiệu quả
3) Kiến thức tự nhận biết về bản thân	Kiến thức về cách nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của một người liên quan đến bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết)

**Bảng 1.3 Bảng phân loại cấp độ quá trình nhận thức**

Phân loại cấp độ quy trình nhận thức	Khái niệm thay thế	Giải thích và ví dụ	Động từ hoạt động
<b>a. Nhớ – lấy kiến thức liên quan từ bộ nhớ</b>			
1) Nhận ra	Nhận dạng	Tận dụng tối đa kiến thức đã học từ bộ nhớ vào tài liệu học phù hợp  Ví dụ: Nhận biết tên các ngày bằng tiếng nước ngoài	Chọn Trích dẫn Đề cập Giải thích Vẽ Đếm Nhận ra Đăng ký Trình bày Dán nhãn Chỉ rõ Ghép đôi Gọi tên Đánh dấu Đọc Ý thức Ghi nhớ Bắt chước Ghi chú Lặp lại Tái tạo Xem lại Tuyên bố Học Sắp xếp Ký hiệu Truy tìm Viết

2) Nhớ lại	Truy tìm	Tìm được kiến thức liên quan từ bộ nhớ  Ví dụ: Nhớ cách chào hỏi và xưng hô bằng tiếng nước ngoài	
------------	----------	--	--

**b. Hiểu - phát triển ý nghĩa dựa trên thông điệp mang tính chất hướng dẫn, bao gồm giao tiếp bằng lời nói, viết và đồ họa**

1) Hiểu	Làm rõ, diễn giải, trình bày, và dịch	Thay đổi dạng này sang dạng khác (ví dụ: thay đổi dạng số thành dạng lời nói)  Ví dụ: Viết lại bài phát biểu theo cách khác, thay đổi hình thức danh từ thành động từ	Ước tính Mô tả Phân loại Chỉ rõ Chi tiết Liên kết So sánh Đếm Đối chiếu Thay đổi Duy trì Trau chuốt Đan xen Phân biệt Thảo luận Khám phá Cho ví dụ Giải thích Phát biểu Lập kế hoạch
---------	---------------------------------------	--	---

2) Ví dụ	Minh họa và ví dụ	<p>Tìm kiếm các ví dụ hoặc minh họa cụ thể về một khái niệm hoặc nguyên tắc</p> <p>Ví dụ: Cho ví dụ về một hoặc một số loại văn bản (văn bản viết)</p>	
3) Phân loại	Phân loại và gộp/xếp vào	<p>Đưa các sự việc, hiện tượng vào phân loại (ví dụ: khái niệm hoặc nguyên tắc)</p> <p>Ví dụ: Phân loại các từ dựa trên các lớp từ</p>	
4) Tổng kết	Tóm tắt và tổng quát hóa	<p>Các chủ đề chung trừu tượng hoặc các điểm chính</p> <p>Ví dụ: Viết tóm tắt một sự kiện trên video</p>	<p>Mở rộng Kết luận Dự đoán Tóm tắt</p>

5) Suy luận	Kết luận, ngoại suy, nội suy và dự đoán	Sắp xếp các kết luận hợp lý từ thông tin thu được Ví dụ: Suy ra các quy tắc ngữ pháp dựa trên ví dụ được đưa ra khi học ngoại ngữ	
6) So sánh	Đối chiếu, vẽ biểu đồ tương quan, và đối sánh	Xác định mối tương quan giữa hai ý tưởng, đối tượng, v.v. Ví dụ: So sánh cấu trúc của câu chủ động và câu bị động	
7) Giải thích	Kiến tạo và mô hình hoá	Xây dựng mô hình ngẫu nhiên của một hệ thống Thí dụ: Giải thích cách tạo thành các cụm danh từ dựa trên bộ sưu tập về các cụm từ đã học	

**c. Áp dụng** - thực hiện hoặc sử dụng các quy trình trong một số trường hợp nhất định

<p>1) Thực hiện</p>	<p>Tiến hành</p>	<p>Thực hiện các quy trình để hoàn thành các nhiệm vụ được giao</p> <p>Thí dụ: Đóng vai (mô phỏng một cuộc đối thoại có sẵn)</p>	<p>Chỉ định Phân loại Xác định Thực hiện Điều chỉnh Tính toán Sửa đổi Phân loại Đếm Xây dựng Sắp xếp Tùy chỉnh Ngăn chặn Đóng vai Sử dụng Đánh giá Thực hành Nghiên cứu Công bố Phỏng theo Hoạt động Điều tra Thích nghi Khái niệm hóa Thực thi Dự đoán Sản xuất Tiến hành Liên kết Biên soạn</p>
<p>2) Thực thi</p>	<p>Sử dụng</p>	<p>Thực thi các quy trình để hoàn thành các nhiệm vụ chưa biết</p> <p>Ví dụ: Sắp xếp đoạn đối thoại trong bối cảnh mới</p>	<p>Mô phỏng Giải quyết Cam kết Lập bảng</p>

**d. Phân tích** - chia tài liệu thành nhiều phần và xác định mối tương quan giữa các phần và liên hệ chúng với cấu trúc hoặc mục đích tổng thể

<p>1) Phân biệt</p>	<p>Phân biệt, nhận ra, tập trung, và lựa chọn</p>	<p>Phân biệt các phần có liên quan và không liên quan, hoặc các phần quan trọng và không quan trọng của các tài liệu đã được trình bày Ví dụ: Phân biệt một loại văn bản (viết) với một văn bản khác</p>	<p>Phân tích Kiểm toán Giải quyết Xác nhận Phát hiện Chẩn đoán Lựa chọn Trình bày chi tiết Đề cử Lập sơ đồ Tương quan Hợp lý hóa Kiểm tra Khai sáng Khám phá Phát thảo Tóm tắt Kết luận Phân tích Suy luận Bao quát Chọn lọc Liên kết Chọn lựa Đo lường Huấn luyện Chuyển hóa</p>
---------------------	---	--	---

2) Tổ chức	Tìm sự mạch lạc, tích hợp, lập dàn ý, phân tích cú pháp và cấu trúc	Xác định các yếu tố đóng vai trò gì hoặc có chức năng như thế nào trong một cấu trúc Ví dụ: Xác định cấu trúc văn bản, xác định cách sử dụng từ và các mẫu từ ngữ cho các mục đích cụ thể	
3) Quy kết	Cấu trúc lại	Xác định quan điểm, thành kiến, giá trị hoặc mục đích ẩn ý của tài liệu đã được trình bày  Ví dụ: Xác định quan điểm của tác giả trong văn bản xã luận	

**e. Đánh giá - đánh giá dựa trên các tiêu chí và tiêu chuẩn**

1) Kiểm tra	Điều phối, khám phá, giám sát và thử nghiệm	Phát hiện sự mâu thuẫn và sai sót trong một quá trình sản xuất hoặc sản phẩm; xác định năng lực hoặc sản phẩm có tính thống nhất nội bộ; và phát hiện tính hiệu quả của một quy trình được thực thi	So sánh Suy luận Đánh giá Hướng dẫn Bình phẩm Xem xét Chia ra Dự đoán Làm rõ Giao nhiệm vụ Phân tích Duy trì Trình bày chi tiết Đo lường
-------------	---	---	---

		<p>Ví dụ: Kiểm tra tính xác thực của nội dung văn bản; kiểm tra việc sử dụng từ, ngữ pháp, cấu trúc được sử dụng trong văn bản</p>	<p>Tóm tắt Chứng minh Xác nhận Thí nghiệm Hỗ trợ Xác thực</p>
2) Phê bình	Phân xét/đánh giá	<p>Phát hiện sự không nhất quán giữa sản phẩm và các tiêu chí bên ngoài; xác định sản phẩm nào có tính nhất quán bên ngoài; phát hiện tính phù hợp về quy trình đối với vấn đề được đặt ra</p> <p>Ví dụ: Đánh giá từ (viết hoặc nói) mà phù hợp hoặc dễ hiểu trong số các lựa chọn</p>	<p>Lựa chọn Dự kiến</p>
<p><b>f. Sáng tạo</b> – Là sắp đặt các yếu tố lại với nhau theo hình thể có sự mạch lạc hoặc thực hiện chức năng tổng thể; sắp xếp lại các thành phần để tạo thành các hình mẫu hoặc cấu trúc mới</p>			
1) Phát minh	Giả thuyết	<p>Đưa ra các giả thuyết thay thế dựa trên các tiêu chí</p> <p>Ví dụ: Lập báo cáo dựa trên quan sát</p>	<p>Tóm tắt Tổ chức Làm mới Thu thập Phân loại Viết bằng mã Kết hợp Sắp xếp</p>

2) Lên kế hoạch	Thiết kế	Tạo một quy trình để hoàn tất một công việc Ví dụ: Lập dàn ý cho một bài tiểu luận, sắp xếp một bài viết báo cáo	Lựa chọn Dự kiến Biên soạn Xây dựng Khắc phục Kết nối Phát minh Sáng tạo
3) Tạo ra	Xây dựng	Tạo ra một sản phẩm Thí dụ: Tạo văn bản nói và viết dựa trên sự sáng tạo của riêng mình	Điều chỉnh Thiết kế Lên kế hoạch Báo hiệu Tăng cường Chọn lọc Đơn giản hóa Hình thành Xây dựng Tổng quát hóa Nhóm Tích hợp Giới hạn Trình bày Chuẩn bị Sản xuất Tổng kết Cấu trúc lại Tạo ra

### 1.3 Chiến lược đặt câu hỏi

Chiến lược đặt câu hỏi là chiến lược giảng dạy được sử dụng thường xuyên nhất để khuyến khích học sinh có thể đạt được tư duy bậc cao. Trong chiến lược này, giáo viên đặt câu hỏi (bao gồm hướng dẫn), nhằm khuyến khích học sinh có thể trả lời các câu hỏi dựa vào khả năng tư duy. Vì vậy, các câu hỏi không phải dạng câu hỏi yes/no đơn giản mà là câu hỏi đòi hỏi quá trình suy nghĩ logic.

Do đó, để hiểu chiến lược đặt câu hỏi, phần này được chia thành ba phần: (a) Các dạng câu hỏi, (b) Kỹ thuật đặt câu hỏi, và (c) Câu hỏi ví dụ

### a. Các dạng Câu hỏi

Các câu hỏi mà giáo viên đặt ra cho học sinh trong lớp có thể được phân thành hai loại: (1) câu hỏi hiển thị và (2) câu hỏi suy luận (Darn, 2010).

Giáo viên đưa ra các câu hỏi hiển thị để khơi gợi kiến thức đã học và kiểm tra sự hiểu biết của học sinh. Dạng câu hỏi này thường tập trung vào hình thức hoặc cấu trúc ngôn ngữ, và giáo viên đã biết câu trả lời. Câu hỏi hiển thị thường là dạng câu hỏi quy nạp/câu hỏi đóng, v.v, tức là câu hỏi chỉ yêu cầu câu trả lời đúng hoặc sai để các câu trả lời cần thiết để ghi nhớ và vẫn ở mức độ tư duy thấp hơn. Những câu hỏi này thường được sử dụng trong các bài kiểm tra truyền thống. Sau đây là các ví dụ về câu hỏi hiển thị.

1. Nghĩa của câu/cụm từ/từ ... là gì?
2. Khi nào chúng ta sử dụng câu/cụm từ/từ ...?
3. Từ/cụm từ/ câu gì được viết sau ...?
4. Trái nghĩa của từ/cụm từ/câu... là gì?
5. Đây là điểm nhấn trong các từ/cụm từ/câu này ...?

Câu hỏi suy luận là câu hỏi nhằm mục đích khuyến khích học sinh có thể cung cấp thông tin, ý kiến và làm rõ ý nghĩa của câu. So với câu hỏi hiển thị, câu hỏi suy luận tập trung vào nội dung hơn là cấu trúc ngôn ngữ. Vì vậy, dạng câu hỏi này cần có các câu hỏi tiếp theo hoặc câu hỏi điều tra mà giáo viên không biết chắc câu trả lời. Do đó, câu hỏi này thường là dạng câu hỏi diễn dịch/mở, là câu hỏi có phạm vi rộng nên không có câu trả lời đúng sai. Các câu hỏi diễn dịch/mở thường yêu cầu câu trả lời hợp lý. Các câu hỏi diễn dịch/mở sẽ lý tưởng cho sự phát triển tư duy bậc cao của học sinh, đặc biệt là kỹ năng phân tích, đánh giá và sáng tạo. Sau đây là các ví dụ về câu hỏi diễn dịch/mở.

1. Bạn nghĩ gì về ...?
2. Bạn đã bao giờ ...khi nào/ở đâu...?
3. Nếu bạn có ... thì làm gì ...?
4. Loại nào ...?
5. ....thì sao/như thế nào?

## **b. Kỹ thuật đặt Câu hỏi**

Dưới đây là một số kỹ thuật đặt câu hỏi có thể được áp dụng trong các chiến lược đặt câu hỏi (Phòng Phát triển và Điều chỉnh Chương trình, Hội đồng Trường Quận Broward, 2000).

### **1. Nhớ dành khoảng “thời gian chờ”**

Sau khi hỏi một học sinh, hãy đợi 3-10 giây sau mỗi câu hỏi trước khi gọi những học sinh khác. Chờ 3-10 giây sau khi học sinh trả lời trước khi đặt câu hỏi mới.

### **2. Hỏi những câu hỏi tiếp theo**

Sau khi học sinh đưa ra câu trả lời, hãy đặt thêm câu hỏi. Ví dụ: Tại sao? Bạn có đồng ý không? Bạn có thể giải thích thêm về câu trả lời của bạn? Bạn có thể cho một ví dụ về câu trả lời của bạn?

### **3. Gọi học sinh ngẫu nhiên**

Cố gắng hỏi tất cả học sinh. Cố gắng không chỉ chọn những học sinh giơ tay để hỏi.

### **4. Giao tiếp bằng mắt với học sinh đang được hỏi và luôn cố gắng đáp lại câu trả lời của học sinh**

Khi đáp lại câu trả lời của học sinh, cho họ biết rằng đối với một số câu hỏi sẽ không có câu trả lời nào chính xác.

### **5. Không nên đánh giá học sinh**

Phản ứng lại câu trả lời của học sinh theo cách không mang tính đánh giá, tức là không trực tiếp phán xét hoặc chỉ trích câu trả lời.

### **6. Cho phép học sinh đặt câu hỏi**

Hãy để học sinh phát triển các câu hỏi để khám phá chủ đề sâu hơn.

### **7. Tiếp cận những học sinh thường không phản hồi**

Việc tạo khoảng cách gần hơn với học sinh sẽ khuyến khích các em tham gia vào các hoạt động trên lớp (trả lời câu hỏi của giáo viên).

### **8. Tôn trọng tất cả các câu trả lời và phản hồi của học sinh**

Nếu câu trả lời của học sinh chưa đầy đủ, hãy tiếp tục đặt câu hỏi hoặc diễn giải câu trả lời của học sinh và yêu cầu học sinh giải thích rõ.

**c. Câu hỏi ví dụ**

Sau đây là các câu hỏi ví dụ có thể được hỏi cho tất cả các cấp độ quá trình nhận thức của thang RBT (Anderson và cộng sự, 2001) bắt đầu từ nhận thức 1 đến nhận thức 6. Để tạo điều kiện cho giáo viên hiểu được các cấp độ câu hỏi trong RBT, dưới đây là một số câu hỏi và cách hướng dẫn có thể được hỏi trong bối cảnh áp dụng văn bản tường thuật như tài liệu trong quá trình học.

**Bảng 1.4 Các câu hỏi ví dụ dựa trên cấp độ của quá trình nhận thức**

Các mức độ nhận thức	Câu hỏi ví dụ
C1 – Ghi nhớ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ai là nhân vật chính trong câu chuyện?</li> <li>• Bối cảnh câu chuyện diễn ra ở đâu?</li> </ul>
C2 – Hiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ý chính của đoạn đầu tiên trong câu chuyện là gì?</li> <li>• Kể lại câu chuyện bằng lời /ngôn ngữ của bạn!</li> </ul>
C3 – Áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tạo cuộc đối thoại dựa trên văn bản tường thuật giữa nhân vật A và nhân vật B!</li> <li>• Biểu diễn thái độ của một trong những nhân vật chính trong truyện!</li> </ul>
C4 – Phân tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nguyên nhân nào dẫn đến mâu thuẫn trong truyện?</li> <li>• Bạn có thể kết luận gì từ các nhân vật chính?</li> </ul>
C5 – Đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bạn có nghĩ rằng thái độ của nhân vật chính là đúng? Hãy giải thích</li> <li>• Theo anh/chị, là một tác phẩm tường thuật/tự sự, câu chuyện có những ưu điểm và khuyết điểm gì?</li> </ul>
C6 – Sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bạn đã sửa đổi câu chuyện như thế nào?</li> <li>• Nếu bạn là nhân vật chính, bạn sẽ làm gì để khắc phục sự cố trong câu chuyện?</li> </ul>

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, L.W., et al. (Ed). (2001). *A taxonomy for learning, teaching, and assessing: A revision of Bloom's taxonomy of educational objectives*. New York: Longman.
- Brookhart, S.M. (2010). *How to assess higher order thinking skills in your classroom*. Alexandria: ASCD.
- Darn, S. (2010). *Asking questions*. Retrieved from <https://www.teachingenglish.org.uk/article/asking-questions>.
- Department of Program Development and Alignment, The School Board of Broward County. (2000). *Bloom's taxonomy*. Retrieved from <http://webb.nmu.edu/Webb/ArchivedHTML/UPCED/mentoring/docs/teachingstrategies.pdf>.
- Retnawati, H., et al. (2017). *Menyusun laporan hasil asesmen pendidikan di sekolah: Referensi untuk pendidik, mahasiswa, dan praktisi pendidikan*. Yogyakarta: UNY Press.
- Revised Bloom's taxonomy action verbs Anderson & Krathwohl*. Retrieved from [https://www.apu.edu/live\\_data/files/333/blooms\\_taxonomy\\_action\\_verbs.pdf](https://www.apu.edu/live_data/files/333/blooms_taxonomy_action_verbs.pdf).
- Revised Bloom's taxonomy process verb, assessments, and questioning strategies*. Retrieved from <https://www.cloud.edu/Assets/PDFs/assessment/revised-blooms-chart.pdf>.



**CHƯƠNG II**  
**Phương Pháp Học Qua Bài Tập Dự Án**



## Phương pháp Học Qua Bài Tập Dự Án

Phương pháp học qua bài tập dự án bao gồm bốn phần chính, đó là khái niệm, giai đoạn, thuận lợi và khó khăn, và đánh giá việc học qua bài tập dự án. Giải thích về việc học qua bài tập dự án như sau.

### 2.1 Khái niệm về phương pháp học qua bài tập dự án

Khái niệm phương pháp học qua bài tập dự án được giải thích trong ba phần, đó là nguồn gốc, định nghĩa và nguyên tắc như sau.

#### 2.1.1 Nguồn gốc của phương pháp học qua bài tập dự án

Theo Ulrich (2016), khái niệm học qua bài tập dự án xuất phát từ những ý tưởng tuyệt vời của một nhà học thuật và triết học, John Dewey. Ông cho rằng học sinh có thể đạt được kiến thức thực tế và hiệu quả khi trải nghiệm và thực hành những điều liên quan đến cuộc sống thực. Khái niệm của Dewey còn được gọi là “Học thông qua thực hành”. Ngoài ra, Dewey cũng quan niệm rằng trải nghiệm là cách tốt nhất để học sinh tích lũy kiến thức. (Rostitawati, 2014).

Lý thuyết của John Dewey đã được phát triển rộng rãi thành những khái niệm học tập đa dạng; một trong số đó là phương pháp học qua bài tập dự án do William Kilpatrick (1871-1965) khởi xướng. Học qua bài tập dự án đã được phát triển sâu hơn trong nhiều nghiên cứu khác nhau về học ngôn ngữ, một trong số đó là của Kovalyova et al (2016), người đã thực hiện một nghiên cứu về việc triển khai phương pháp học tiếng Anh qua bài tập dự án. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh có sự cải thiện trong việc tiếp thu từ vựng, hiểu ngữ pháp và kỹ năng đọc và viết của học sinh.

Trong khi đó, dựa trên kết quả nghiên cứu được thực hiện bởi Viện Giáo dục Buck (BIE) vào năm 2016, phương pháp học qua bài tập dự án có thể hướng học sinh đạt được các kỹ năng của thế kỷ 21, cụ thể là các kỹ năng 4C (Giao tiếp, Hợp tác, Tư duy phản biện và Giải quyết vấn đề, và Sáng tạo và Đổi mới), giá trị đặc thù và kỹ năng tư duy bậc

cao. Do đó, chúng ta có thể cho rằng việc triển khai phương pháp học qua bài tập dự án trong học ngôn ngữ sẽ thúc đẩy học sinh có được các kỹ năng giao tiếp hiệu quả, cả kỹ năng nói và viết.

Dựa trên sự giải thích đã đề cập ở trên, có thể kết luận rằng học tập qua bài tập dự án có thể thúc đẩy việc đạt được ba năng lực cơ bản, là thái độ, kiến thức và kỹ năng trong Chương trình giáo dục năm 2013 của Indonesia. Do đó, phương pháp học qua bài tập dự án có thể được sử dụng như một giải pháp thay thế trong việc triển khai Chương trình giáo dục năm 2013.

### 2.1.2 Định nghĩa phương pháp học qua bài tập dự án

Học tập qua bài tập dự án là một phương pháp giảng dạy nhấn mạnh vào việc phân công nhiệm vụ, đặc biệt dưới dạng các dự án có thể hướng học sinh trải nghiệm một quá trình tìm hiểu. Do đó, học sinh được mong đợi là sẽ có thể phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ làm cơ sở đánh giá cho giáo viên (Thomas, 2000). Tuy nhiên, không phải tất cả các phương pháp học tập có kết quả là một dự án đều được xem là học tập qua bài tập dự án.

Hơn nữa, Heitmann phân biệt giữa kết thúc môn học bằng một dự án và học tập qua bài tập dự án (trích dẫn trong Kubiak và Vaculova, 2010). Việc kết thúc môn học với một dự án là một phần mở rộng của việc triển khai kiến thức mà học sinh đã thu được trong lớp học. Nói chung, một dự án được giao vào cuối một bài học, vì vậy dự án được hoàn thành mà không cần quan sát quá trình tìm hiểu. Từ trước đến nay, loại dự án này thường do giáo viên giao, và nó có thể được thực hiện theo nhóm hoặc cá nhân.

Mặt khác, dự án được thực hiện khi áp dụng phương pháp học tập qua bài tập dự án có những điểm khác biệt. Mayer (2016) giải thích sự khác biệt về học tập qua bài tập dự án và dự án được giao vào cuối quá trình học được thể hiện ở khía cạnh quá trình thực hiện và kết quả dự án. Sự khác biệt được minh họa trong bảng sau.

**Bảng 2.1 Sự khác biệt giữa học tập qua bài tập dự án và kết thúc chương trình học bằng dự án**

Giai đoạn	Học tập qua bài tập dự án	Kết thúc chương trình học bằng dự án
Quá trình	Cần có sự hướng dẫn/giám sát của giáo viên và sự cộng tác của các thành viên nhóm trong quá trình thực hiện dự án.	Dự án có thể được thực hiện tại nhà mà không cần sự hướng dẫn của giáo viên và sự hỗ trợ của các thành viên nhóm
	Sinh viên có nhiều lựa chọn trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện dự án.	Sinh viên không có nhiều cơ hội để lựa chọn từng chi tiết của dự án.
	Thực hiện dự án dựa trên các câu hỏi thiết yếu của giáo viên.	Thực hiện dự án dựa trên sự hướng dẫn của giảng viên.
	Thực hiện dự án thông qua một quá trình điều tra độc lập.	Thực hiện dự án mà không cần quá trình điều tra.
Kết quả	Kết quả của dự án là câu trả lời cho các câu hỏi thiết yếu.	Kết quả của dự án là thực hành kiến thức của học sinh đã học.
	Kết quả dự án được thử nghiệm hoặc trình bày công khai (trong và ngoài lớp học)	Kết quả của dự án được nộp cho giáo viên để đánh giá.
	Đánh giá kết quả dự án dựa trên phiếu đánh giá do giáo viên chuẩn bị hoặc được thực hiện riêng cho dự án.	Đánh giá kết quả dự án dựa trên quan điểm của giáo viên.

### 2.1.3 Các nguyên tắc của phương pháp học qua bài tập dự án

Bên cạnh việc thừa nhận những điểm đặc trưng của dự án của quá trình học tập này, giáo viên cũng nên nắm rõ các nguyên tắc chính trong việc áp dụng phương pháp học tập qua bài tập dự án trong lớp học. Theo Larm-er et al. (2015), học tập qua bài tập dự án có bảy tiêu chuẩn căn bản được coi là các nguyên tắc chính trong rất nhiều nguyên tắc.

#### a. Nguyên tắc đặt vấn đề hoặc câu hỏi

Nguyên tắc đặt vấn đề hoặc các câu hỏi thiết yếu có thể khuyến khích học sinh tự khám phá ra câu trả lời. Việc học bắt đầu bằng cách đặt vấn đề và câu hỏi sẽ giúp học sinh có thể nghiên cứu cần chuẩn bị những gì trong quá trình tìm hiểu, những loại hoạt động tìm hiểu nào cần được lựa chọn, các công cụ nào cần chuẩn bị và các bước nào cần được thực hiện để giải quyết vấn đề hoặc trả lời các câu hỏi.

#### b. Nguyên tắc của việc duy trì hoạt động tìm hiểu

Đó là nguyên tắc của một quá trình tìm hiểu liên tục. Đặt vấn đề và nêu lên câu hỏi khi bắt đầu học là một điểm khởi đầu của quá trình tìm hiểu. Quá trình này có thể nâng cao kỹ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề, hợp tác và tự lập kế hoạch của học sinh.

#### c. Nguyên tắc về tính thực tế

Nguyên tắc về tính thực tế trong phương pháp học tập qua bài tập dự án là sự kết nối việc học với ngữ cảnh thực tế.

Trong số những nguyên tắc về tính thực tế, có 03 nguyên tắc cần áp dụng bao gồm:

1. Tính thực tế của bài tập dự án. Các dự án do học sinh thiết kế dựa trên những gì họ trải nghiệm trong thế giới thực. Ví dụ: dự án làm một quyển thực đơn trong nhà hàng hoặc một hoạt động đóng vai giữa người bán và người mua.

2. Tính thực tế của hoạt động và thiết bị được sử dụng trong dự án. Trong suốt dự án, học viên thực hiện các hoạt động tương tự như cuộc sống thực của họ, ví dụ: tính toán dự trữ kinh phí đi du lịch hoặc viết thư cho một biên viên tạp chí.
3. Tính thực tế trong tác động của kết quả dự án. Kết quả của dự án dự kiến sẽ tác động đến môi trường, ví dụ như dự án làm bảng quảng cáo về những điều cấm hoặc thông báo trong môi trường trường học có tác động đến việc kỷ luật học sinh.

### **d. Nguyên tắc về việc nêu quan điểm và lựa chọn của học sinh**

Nguyên tắc về việc nêu quan điểm và lựa chọn của học sinh trong học tập qua bài tập dự án đòi hỏi học sinh nêu lên ý kiến và đưa ra lựa chọn của mình trong quá trình thực hiện dự án. Dewey (1956) cho rằng nguyên tắc nêu quan điểm và lựa chọn của học sinh là một trong những hoạt động để đạt được kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Ví dụ: học sinh được trao nhiều cơ hội hơn để bày tỏ ý kiến hoặc lựa chọn các thông tin chi tiết của một dự án, và học sinh cũng có nhiều cơ hội hơn thể hiện phản ứng của mình khi được giáo viên giao việc giải quyết một số vấn đề hoặc trả lời những câu hỏi thiết yếu.

### **e. Nguyên tắc phản ánh**

Nguyên tắc phản ánh trong học tập qua bài tập dự án không chỉ dành cho học sinh, mà cả giáo viên. Hoạt động này nhằm mục đích quan sát hiệu quả của các hoạt động được thực hiện trong quá trình điều tra, để tìm ra vấn đề phải đối mặt và cách khắc phục các vấn đề được phát hiện trong quá trình dự án. Sự tự đánh giá này cũng giúp học sinh phát triển kiến thức siêu nhận thức của mình trong quá trình học tập..

### **f. Nguyên tắc phê bình và sửa đổi**

Nguyên tắc phê bình và sửa đổi là điều thường làm trong quá trình thực hiện dự án. Các nhóm, giảng viên, hoặc thậm chí các chuyên gia có thể đưa ra các phê bình và khuyến nghị để tạo điều kiện cho học sinh tìm ra những vấn đề không phù hợp trong kết quả dự án và sửa đổi cho phù hợp.

### g. Nguyên tắc công khai sản phẩm

Nguyên tắc của việc công khai sản phẩm, cụ thể là kết quả của dự án. Học tập qua bài tập dự án mang lại cho học sinh cơ hội trình bày kết quả dự án của họ trước lớp hoặc thậm chí trong một môi trường rộng lớn hơn. Nhờ vào việc trình bày kết quả dự án, học sinh có được sự hài lòng và động lực để trình bày tác phẩm của mình.

## 2.2 Các giai đoạn của phương pháp học qua bài tập dự án

Các giai đoạn của việc học ngôn ngữ qua bài tập dự án chủ yếu bao gồm ba giai đoạn chính, đó là lập kế hoạch, thực hiện và báo cáo (Stoller, 2006). Ngoài ra, trong ba giai đoạn chính của học tập qua bài tập dự án còn có tám hoạt động học tập như sau:

### a. Lập kế hoạch

Lập kế hoạch bao gồm năm hoạt động, đó là chọn chủ đề dự án, các hoạt động giao tiếp trước khi thực hiện, đặt các câu hỏi cần thiết, thiết kế kế hoạch dự án và lên kế hoạch cụ thể cho dự án.

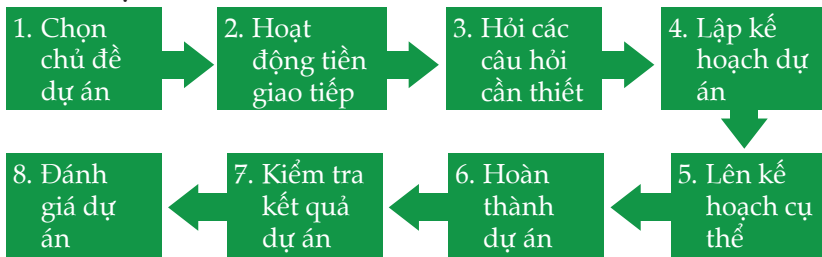
### b. Thực hiện

Giai đoạn thực hiện gồm có một hoạt động là hoàn thành dự án.

### c. Báo cáo

Có hai hoạt động trong giai đoạn này, đó là kiểm tra kết quả dự án và đánh giá dự án cũng như đánh giá kết quả dự án và hoạt động học tập.

Lược đồ sau đây là các giai đoạn của mô hình học tập dựa trên dự án theo trình tự.



Sau đây là giải thích về tám giai đoạn của quá trình học tập dựa trên dự án.

### 2.2.1 Chọn chủ đề dự án

Việc đầu tiên giáo viên cần làm là chọn đề tài. Giai đoạn này nhằm giúp học viên hiểu rõ chủ đề và mục tiêu học tập.

Các hoạt động được thực hiện trong việc lựa chọn chủ đề như sau:

- Giáo viên có thể sử dụng các chủ đề trong bảng mô tả Năng lực Cơ bản (KD)
- Giáo viên khuyến khích học sinh bằng cách chiếu tranh ảnh/video/ câu chuyện liên quan đến chủ đề. Nếu chủ đề không được giải thích rõ ràng trong bảng Năng lực cơ bản, giáo viên khuyến khích học sinh tham gia quyết định chủ đề.
- Giáo viên phải xác định các chủ đề liên quan hoặc gắn liền với cuộc sống thực tế của học viên, ví dụ: du lịch, kỳ nghỉ, vệ sinh trường học, cuộc sống thanh thiếu niên, giải trí (âm nhạc, phim và hòa nhạc), công nghệ và thể thao.

Dưới đây là các hướng dẫn hoặc cách đặt câu hỏi trong giai đoạn chọn chủ đề để giúp học sinh đạt được Kỹ năng tư duy bậc cao.

- Giáo viên khuyến khích học sinh tham gia quyết định chủ đề bằng cách yêu cầu các em quan sát cơ sở vật chất của trường thông qua các câu hỏi từ Kỹ năng Tư duy bậc thấp (LOTS) đến Kỹ năng Tư duy bậc cao (HOTS). Các ví dụ về câu hỏi như sau:

“Cơ sở vật chất trong trường học của chúng ta gồm có những gì?»

“Bạn thường sử dụng những cơ sở vật chất nào?”

“Bạn nghĩ gì về tình trạng cơ sở vật chất?”

“Tại sao tình trạng lại như vậy?”

“Tại sao chúng ta nên quan tâm đến cơ sở vật chất của trường học?”

Tiếp theo, giáo viên cùng với học sinh quyết định chủ đề.

- Giáo viên chiếu đoạn phim về một thảm họa. Sau đó, giáo viên đưa ra các câu hỏi từ LOTS đến HOTS. Các ví dụ như sau:

“Video cho chúng ta biết về điều gì?”

“Tại sao chúng ta nên quan tâm đến việc giảm nhẹ thiên tai?”

### 2.2.2 Các hoạt động tiền giao tiếp

Giáo viên thực hiện các hoạt động tiền giao tiếp vào lúc bắt đầu các hoạt động học tập, bao gồm việc giới thiệu từ vựng mới và các đặc điểm ngôn ngữ mà học sinh yêu cầu khi làm việc trong dự án. Nếu giáo viên cho rằng các hoạt động tiền giao tiếp không cần thiết, thì giáo viên có thể chuyển thẳng sang giai đoạn tiếp theo.

Các giai đoạn của hoạt động tiền giao tiếp nhằm cho phép học sinh sử dụng ngôn ngữ đang học để giao tiếp và hỗ trợ họ hoàn thành dự án.

Dưới đây là các hoạt động có thể được thực hiện trong các hoạt động tiền giao tiếp.

- a. Giáo viên có thể cung cấp các từ vựng liên quan đến chủ đề; giáo viên luyện từ vựng liên quan đến ngành du lịch qua bài hát.
- b. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh đọc một văn bản và thảo luận để tìm hiểu các đặc điểm ngôn ngữ trong văn bản đó.

Việc hướng dẫn hoặc đặt câu hỏi trong giai đoạn này để giúp đạt được kỹ năng tư duy HOTS cần được thực hiện như sau:

- a. Giáo viên yêu cầu học sinh đọc hai đoạn văn bản để nắm các thông tin. Sau đó, giáo viên đưa ra các câu hỏi liên quan đến văn bản. Ví dụ về các câu hỏi như sau.

“Đề cập đến một từ vựng mới mà bạn chưa biết.”

“Bạn học được gì từ văn bản đầu tiên và văn bản thứ hai?”

“So sánh câu đầu tiên trong văn bản đầu tiên và văn bản thứ hai, sự khác biệt là gì?”

- b. Giáo viên chiếu đoạn phim đối thoại giữa người mua hàng và người bán. Sau đó, giáo viên nêu ra các câu hỏi, chẳng hạn như:

“Ai thực hiện đoạn hội thoại trên?”

“Chủ đề của cuộc đối thoại đó là gì?”

“Dựa theo cuộc đối thoại đó, làm thế nào để trả giá?”

### 2.2.3 Đặt các câu hỏi thiết yếu

Câu hỏi thiết yếu là những câu hỏi chính do giáo viên yêu cầu học sinh phải hoàn thành và trả lời thông qua một dự án. Giáo viên chuẩn bị một số câu hỏi thiết yếu trước quá trình học.

Chuẩn bị các câu hỏi thiết yếu nhằm mục đích giúp học sinh hiểu được trọng tâm của dự án, xác định loại dự án và định hướng quá trình tìm hiểu thông tin.

Các hoạt động có thể được thực hiện để chuẩn bị các câu hỏi thiết yếu như sau:

- a. Ví dụ, khi bắt đầu học giáo viên khuyến khích học sinh bằng cách chiếu một đoạn video thú vị hoặc trình bày các vấn đề xung quanh các em.
- b. Giáo viên đưa ra một số câu hỏi cho học sinh dựa trên video.

Dưới đây là các mẫu câu hỏi thiết yếu từ một số chủ đề khác nhau.

1. “Khách du lịch làm gì khi đến thăm khu vực của bạn?”

1) “Làm thế nào để tất cả học sinh giữ gìn vệ sinh trường học?”

2) “Chất lượng thực phẩm trong căng tin của chúng ta như thế nào?”

3) “Ai là người hùng trong cuộc đời bạn?”

4) “Chúng ta lên kế hoạch và đi du lịch vào kỳ nghỉ học như thế nào?”

### 2.2.4 Thiết kế Kế hoạch Dự án

Các hoạt động thiết kế dự án bao gồm việc chọn loại dự án dựa trên các câu hỏi thiết yếu và xác định các hoạt động trong quá trình tìm hiểu. Trong quá trình này, giáo viên đóng vai trò là người hỗ trợ để giúp học sinh thực hiện kế hoạch dự án hợp lý, logic và khả thi.

Các hoạt động tiết kế dự án nhằm tạo điều kiện cho học sinh phát triển kỹ năng tư duy phân biện thông qua quá trình lựa chọn loại dự án, giải quyết vấn đề cũng như kỹ năng lập kế hoạch hoạt động trong quá trình tìm hiểu.

Các hoạt động có thể được thực hiện trong quá trình thiết kế dự án như sau:

- a. Học sinh quyết định loại dự án theo nhóm.
- b. Học sinh quyết định và viết các hoạt động được thực hiện trong quá trình tìm hiểu theo nhóm.
- c. Kết quả thảo luận và thống nhất của nhóm được ghi vào kế hoạch chi tiết của dự án.

**Bảng 2.2 Giáo viên có thể thực hiện các ví dụ về chủ đề, câu hỏi thiết yếu và các hoạt động tiền giao tiếp trong học tập qua bài tập dự án**

Chủ đề	Câu hỏi thiết yếu	Quá trình tìm hiểu	Chuẩn bị cho Hoạt động giao tiếp	Kết quả
Ngành du lịch	Khách du lịch làm gì khi đến thăm khu vực của bạn?	Nghiên cứu Online, khảo sát, và phỏng vấn	Thì quá khứ và câu nghi vấn	<b>Bài thuyết trình, bản quảng cáo,</b> hoặc tài liệu quảng cáo du lịch
Nhà ở	Ngôi nhà lý tưởng của bạn là gì?	Thảo luận và khảo sát trong lớp	Từ vựng liên quan đến nhà ở	Bản quảng cáo
Giải trí	Ngành công nghiệp vĩ đại nhất trong khu vực của bạn là gì, và chiến lược tiếp thị là gì?	Khơi gợi ý, nghiên cứu trực tuyến và đánh giá quảng cáo.	Thì hiện tại và câu mệnh lệnh	Làm quảng cáo

### 2.2.5 Lên kế hoạch chi tiết cho dự án

Mục tiêu của việc lên kế hoạch chi tiết cho dự án là luyện cho học sinh kỹ năng quản lý thời gian, quản lý bản thân và làm việc theo nhóm.

Trong việc sắp xếp thời gian chi tiết của dự án, có một số hoạt động cần làm, chẳng hạn như:

- Học sinh lập thời gian biểu từ việc lên kế hoạch đến báo cáo dự án theo nhóm.
- Lịch trình sắp xếp phải nêu rõ các hoạt động, thời hạn và người phụ trách.
- Sau khi tất cả các nhóm sắp xếp xong lịch trình, giáo viên thu bảng kế hoạch thực hiện dự án chi tiết của mỗi nhóm.
- Giáo viên có thể sử dụng bảng kế hoạch chi tiết này để theo dõi tiến trình của dự án.

Bảng sau đây minh họa một lịch trình đơn giản của dự án giới thiệu ngành du lịch với thời gian phân bổ là ba tuần.

**Bảng 2.3 Ví dụ về thời gian chi tiết của Dự án**

Stt.	Hoạt động	Người phụ trách	Hạn chót
1	Khảo sát các địa điểm du lịch	Tất cả các thành viên trong nhóm	2/2/2019
2	Tìm kiếm thông tin về thiết kế brochure du lịch trên internet	Adi và Silvi	4-6/2/2019
3	Soạn nội dung brochure du lịch	Tất cả các thành viên trong nhóm	7 và 8/2/2019
4	Mua văn phòng phẩm	Maya và Adi	9/2/2019
5	Tham khảo ý kiến của giáo viên	Tất cả các thành viên trong nhóm	11/2/2019
6	Chỉnh sửa nội dung tài liệu du lịch	Tất cả các thành viên trong nhóm	11 và 12/2/2019
7	Thiết kế hình ảnh cho một tờ rơi quảng cáo	Silvi và Ara	13 và 14/2/2019
8	In brochure	Maya và Ara	15/2/2019
9	Trình bày kết quả dự án	Tất cả các thành viên trong nhóm	16/2/2019

### 2.2.6 Hoàn thành dự án

Hoàn thành dự án là giai đoạn chính của việc thực hiện dự án. Học sinh tạo một dự án, bắt đầu từ quá trình tìm hiểu cho đến khi hoàn thành dự án.

Mục đích của giai đoạn này là phát triển kỹ năng xử lý dữ liệu và thông tin, giải quyết vấn đề, nâng cao tính độc lập, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp giữa các nhóm và xã hội liên quan đến dự án của học sinh.

Các hoạt động được thực hiện trong giai đoạn này là:

- Học sinh tiến hành các hoạt động tìm hiểu dựa trên kế hoạch chi tiết;
- Học sinh quản lý dữ liệu thu được từ quá trình điều tra;
- Học sinh tạo nội dung cho dự án;
- Giáo viên tư vấn cho mỗi nhóm về sự tiến bộ của nhóm;
- Học sinh điều chỉnh (nếu cần) hoặc hoàn thành dự án.

### 2.2.7 Kiểm tra kết quả dự án

Mục đích của việc kiểm tra kết quả dự án là đảm bảo tất cả các thành viên trong nhóm đều chịu trách nhiệm về kết quả dự án của nhóm. Giáo viên cũng có thể đánh giá kết quả dự án và biểu hiện của học sinh như một đánh giá tiến trình.

Các hoạt động được thực hiện trong quá trình kiểm tra kết quả dự án như sau:

- Học sinh trình bày kết quả dự án và mô tả quá trình thực hiện.
- Bài thuyết trình có thể được thực hiện bằng ngôn ngữ học sinh đang theo học.
- Các thành viên khác trong nhóm có thể đưa ra câu hỏi về kết quả của dự án.
- Trong giai đoạn này, nếu kết quả của dự án là một vở kịch, học sinh trình diễn vở kịch mà các em đã chuẩn bị.
- Trong khi đó, giáo viên thực hiện đánh giá tiến trình để đo lường kết quả và quá trình thực hiện dự án trên phiếu tự đánh giá.

### 2.2.8 Đánh giá dự án

Đánh giá dự án là hoạt động giáo viên phản ánh các hoạt động bằng cách cung cấp thông tin phản hồi về kết quả dự án, trong khi đó học sinh phản ánh lại các hoạt động học tập đã thực hiện

Giai đoạn này nhằm tạo cơ hội cho học sinh chia sẻ những khó khăn của họ trong quá trình thực hiện dự án và đánh giá khả năng thực hiện dự án của họ.

Các hoạt động có thể được thực hiện trong việc đánh giá kết quả dự án và các hoạt động học tập như sau:

- Giáo viên đưa ra phản hồi về dự án do học sinh trình bày.
- Giáo viên phản ánh các hoạt động học tập.
- Học sinh có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm khi làm việc trong dự án.
- Học sinh cũng có cơ hội để sửa đổi kết quả của dự án.

### 2.3 Đánh giá về Học tập qua bài tập Dự án

Theo Larmer et al. (2015), đánh giá về học tập qua bài tập dự án có thể được thực hiện dưới hình thức đánh giá định kỳ và đánh giá thường xuyên.

#### 2.3.1 Đánh giá định kỳ

**Đánh giá định kỳ là đánh giá năng lực của học sinh dựa trên các chỉ số Năng lực (IPK) được nêu trong giáo án. Đánh giá định kỳ có thể được thực hiện sau các hoạt động tiền giao tiếp, hoặc khi hoàn thành quá trình học tập dựa trên bài tập dự án.** Dưới đây là các ví dụ về thiết kế đánh giá tổng kết dựa trên IPK.

**Bảng 2.4 Ví dụ về thiết kế đánh giá dự án**

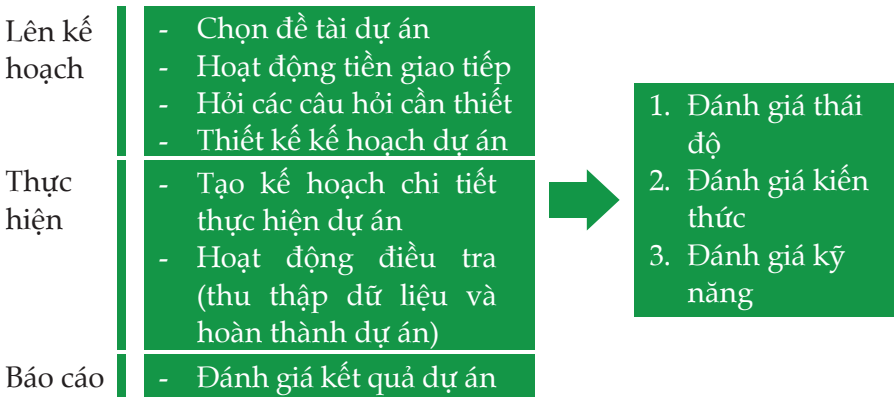
#### Tiếng Đức

KD.3.3 Hiểu các hoạt động ngôn ngữ liên quan đến việc hỏi và cung cấp thông tin, hành động/hoạt động giải trí/hoạt động đã thực hiện/đã xảy ra trong quá khứ, liên quan đến du lịch/ngành du lịch trong các văn bản tương tác giao dịch bằng miệng và bằng văn bản viết dựa trên ngữ cảnh thông qua xem xét các chức năng xã hội phù hợp, cấu trúc văn bản và các đặc điểm ngôn ngữ.

IPK		Loại đánh giá	Mục tiêu đánh giá	Phương thức đánh giá	Công cụ
3.3.1	Đề cập đến các từ vựng có trong văn bản liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch	Kiến thức	Đo lường sự hiểu biết của học sinh về văn bản giao dịch liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch	Bài kiểm tra	Bài kiểm tra viết bằng cách ghép hình ảnh với từ vựng chính xác
3.3.2	Phân loại từ vựng tìm thấy trong văn bản liên quan đến du lịch/ngành du lịch				

### 2.3.2 Đánh giá thường xuyên

Đánh giá tiến trình trong học tập qua bài tập dự án được xây dựng dựa trên các giai đoạn trong quá trình học tập (Palupi, 2016). Việc đánh giá trong học tập dựa trên dự án có thể được thực hiện bằng cách tham khảo sơ đồ sau.



#### Sơ đồ 2.2 Đánh giá việc học tập dựa trên dự án

Theo sơ đồ trên, việc đánh giá thái độ, kiến thức và kỹ năng có thể được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của quá trình học dựa trên bài tập dự án. Đánh giá thường xuyên trong học tập qua bài tập dự

án được thực hiện thông qua hoạt động quan sát với các tiêu chí thể hiện trong phiếu đánh giá. Phiếu đánh giá có thể được viết dựa trên các giai đoạn học hoặc các khía cạnh (bao gồm thái độ, kiến thức và kỹ năng).

Để giúp giáo viên hiểu rõ hơn về việc thực hiện đánh giá thường xuyên, đây là hai ví dụ về các định dạng phiếu đánh giá đơn giản để đánh giá việc học qua bài tập dự án.

Ví dụ 1

### Đánh giá điểm dựa trên các bước học tập

Khía cạnh	Tiêu chí và Điểm số			
	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Yếu
	4	3	2	1
<b>Lên kế hoạch</b>	Học sinh có khả năng lên kế hoạch cho dự án một cách có hệ thống.	Học sinh có thể phát triển kế hoạch dự án có hệ thống. Tuy nhiên, kế hoạch này không phù hợp với tiêu chí.	Học sinh không thực sự có thể lập kế hoạch dự án một cách có hệ thống và không phù hợp với tiêu chí.	Học sinh cần có sự hướng dẫn trong việc chuẩn bị kế hoạch dự án.
<b>Thu thập dữ liệu</b>	Học sinh thu thập dữ liệu một cách đầy đủ, có hệ thống và phù hợp với mục tiêu của dự án.	Học sinh thu thập dữ liệu đầy đủ và có hệ thống. Tuy nhiên, không phù hợp với mục tiêu của dự án.	Học sinh thu thập dữ liệu đầy đủ. Tuy nhiên, chưa có hệ thống và không phù hợp với mục tiêu của dự án.	Học sinh thu thập dữ liệu không đầy đủ, thiếu hệ thống và không phù hợp với mục tiêu của dự án.

<b>Xử lý dữ liệu</b>	Học sinh có thể phân tích và sử dụng dữ liệu một cách có hệ thống dựa trên các mục tiêu của dự án.	Học sinh có thể phân tích và sử dụng dữ liệu dựa trên các mục tiêu của dự án. Tuy nhiên, tính hệ thống chưa chặt chẽ.	Học sinh có thể phân tích, nhưng không có khả năng sử dụng dữ liệu dựa trên các mục tiêu của dự án.	Học sinh không có khả năng phân tích và sử dụng dữ liệu dựa trên các mục tiêu của dự án.
<b>Báo cáo</b>	Học sinh có thể trình bày kết quả dự án một cách hợp lý bằng ngôn ngữ thích hợp.	Học sinh có thể trình bày đúng kết quả dự án nhưng ngôn ngữ sử dụng không phù hợp.	Khả năng để học sinh trình bày kết quả dự án đúng không cao. Tuy nhiên, học sinh có thể trình bày bằng ngôn ngữ thích hợp.	Học sinh không thể trình bày kết quả dự án chính xác và Các quy tắc ngôn ngữ khi trình bày cũng không phù hợp.

Tiếp theo, ví dụ về bảng tính điểm dựa trên các phiếu đánh giá như sau.

Tên dự án :

Tên học sinh :

Lớp :

Stt.	Phương diện	Điểm (1-4)
1	Lên kế hoạch	
2	Thu thập dữ liệu	
3	Xử lý dữ liệu	
4	Báo cáo miệng	

<b>Tổng cộng</b>	
<b>Điểm tối đa</b>	<b>16</b>

Ghi chú:

$$\text{Điểm} = \frac{\text{Tổng điểm} \times 100}{\text{Điểm tối đa}}$$

Ví dụ 2

- Điểm đánh giá dựa trên các phương diện đánh giá (thái độ, kiến thức và kỹ năng)

Phương diện	Tiêu chí và điểm			
	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Yếu
	4	3	2	1
<b>Kiến thức</b>	Học sinh thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về tài liệu trong giai đoạn quan sát.	Học sinh thể hiện sự hiểu biết tốt về tài liệu trong giai đoạn quan sát.	Học sinh thể hiện sự hiểu biết về tài liệu tương đối tốt trong giai đoạn quan sát.	Học sinh không thể hiện sự hiểu biết tốt về tài liệu trong giai đoạn quan sát.
<b>Thái độ</b>	Học sinh có thể làm việc nhóm, rất độc lập và hoàn thành dự án trước thời hạn	Học sinh có thể làm việc nhóm, độc lập và có thể hoàn thành dự án đúng thời hạn	Học sinh có thể làm việc theo nhóm, nhưng vẫn cần hướng dẫn để hoàn thành dự án đúng hạn.	Học sinh không có khả năng làm việc nhóm và cần sự hướng dẫn để hoàn thành dự án đúng thời hạn.

<b>Kỹ năng</b>	Kết quả của dự án chính xác, rất sáng tạo và học sinh trình bày bằng ngôn ngữ thích hợp.	Kết quả dự án chính xác, sáng tạo. Tuy nhiên, ngôn ngữ trình bày không phù hợp.	Kết quả dự án không chính xác. Tuy nhiên, học sinh có thể trình bày bằng ngôn ngữ thích hợp.	Kết quả dự án không chính xác, không sáng tạo và ngôn ngữ trình bày không phù hợp.
----------------	--	---	--	--

Theo điểm đánh giá ở trên, bảng tính điểm được tính theo công thức như sau.

Tên đề tài :  
 Tên học sinh :  
 Lớp :

Stt.	Phương diện	Điểm (1-4)
1	Kiến thức	
2	Thái độ	
3	Kỹ năng	
<b>Tổng cộng</b>		
<b>Điểm tối đa</b>		<b>12</b>

$$\text{Điểm} = \frac{\text{Tổng điểm} \times 100}{\text{Điểm tối đa}}$$

## 2.4 Lợi ích và khó khăn trong việc áp dụng phương pháp học qua bài tập dự án

Học tập qua bài tập dự án có nhiều lợi ích và thuận lợi. Do đó, Singapore đã xem việc triển khai thực hiện học tập dựa trên dự án là mục tiêu quốc gia. Bộ Giáo dục Singapore khuyến khích giáo viên áp dụng phương pháp học tập qua bài tập dự án với phương châm “Dạy ít hơn, học nhiều hơn” (Boss & Krauss, 2007). Những lợi ích của việc học tập dựa trên dự án được tóm tắt trong một số điểm như sau:

- a. Cải thiện thành tích học tập của học sinh;
- b. Phát triển kỹ năng tư duy phản biện, xử lý dữ liệu và thông tin, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp và quản lý bản thân;
- c. Tăng động lực và hứng thú của học sinh; và
- d. Mang đến cho học sinh trải nghiệm học tập dựa trên cuộc sống thực.

Tuy nhiên, giáo viên cũng cần lưu ý những điểm có thể trở thành trở ngại trong việc thực hiện học tập dựa trên bài tập dự án.


- a. Lựa chọn Năng lực cơ bản (KD) bị hạn chế  
Học tập dựa trên dự án mất rất nhiều thời gian; do đó, giáo viên được mong đợi sẽ chọn đúng Năng lực cơ bản (KD), phù hợp với nó.
- b. Đa dạng nhóm  
Việc lựa chọn thành viên nhóm không phù hợp có thể là một rào cản cho học sinh trong việc thực hiện dự án. Giáo viên phải đảm bảo rằng các thành viên trong mỗi nhóm đều năng động (thay đổi thành viên cho một dự án khác) và đa dạng (khả năng và bối cảnh của các thành viên khác nhau).
- c. Thời gian tham vấn có giới hạn  
Do có nhiều nhiệm vụ nên giáo viên khó có thể sắp xếp lịch tư vấn ngoài thời gian học tập. Trước khi áp dụng mô hình này, giáo viên được mong đợi sẽ thiết kế lịch trình tư vấn để nó không trở thành trở ngại trong quá trình thực hiện. Giáo viên cũng có thể sử dụng công nghệ như một cách để tham khảo, chẳng hạn như tạo một nhóm WhatsApp để tham khảo ý kiến.

Nếu giáo viên và học sinh chuẩn bị kỹ thì có thể tránh được trở ngại. Ngoài ra, những trở ngại này có thể được xem như thách thức đối với giáo viên trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy ngôn ngữ và nâng cao kỹ năng ngôn ngữ của học sinh để đạt được các kỹ năng của thế kỷ 21.


## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Boss, S., Karaus, J. (2007). *Reinventing project-based learning: Your field guide to real-world projects in the digital age*. Washington DC: International Society for Technology in Education.
- Buck Institute for Education (BIE). (2012). *What is PBL?* Retrieved from [http://www.bie.org/about/what\\_is\\_pbl](http://www.bie.org/about/what_is_pbl).
- Kovalyova, Y. Y., et al. (2016). Project based learning in teaching communication skills in English as a foreign language to engineers students. *International Journal of Emerging Technologies in Learning*, 7(4), 153-156.
- Kubiatko, M. & Vaculova, I. (2011). Project-based learning: Characteristic and the experiences with application in the science subject. *Energy Education Science and Technology Part B: Social and Educational Studies*, 5(3), 65-74.
- Larmer, J., et al. (2015). *Setting the standard for project-based learning: A proven approach to rigorous classroom instruction*. USA: Buck Institute for Education.
- Mayer, A. (2016). *Difference between projects and project-based learning*. Retrieved from <https://www.teacht-hought.com/project-based-learning/difference-between-projects-and-project-based-learning>, retrieved at 30 Juli 2018).
- Palupi, D. T. (2016). *Cara mudah memahami kurikulum*. Surabaya: Jaring Pena.
- Rostitawati, T. (2014). Konsep pendidikan John Dewey. *Jurnal Manajemen Pendidikan Islam*, 2(2).





**CHƯƠNG III**  
**Minh họa của chương trình giảng dạy**  
**qua bài tập dự án**



# Minh họa Phương pháp Học Qua Bài Tập Dự án

## 3.1 Giới thiệu

Minh họa về việc thực thi phương pháp học tập qua bài tập dự án trong lớp học gồm ba giai đoạn chính, đó là xây dựng các Chỉ số Năng lực (Indikator Pencapaian Kompetensi/IPK) xuất phát từ Năng lực Cơ bản (Kompetensi Dasar/KD), lập kế hoạch hoạt động học tập dựa trên các bước thiết kế hoạt động học tập qua bài tập dự án và thiết kế đánh giá.

## 3.2 Xây dựng chỉ số năng lực IPK

Để đạt được mục tiêu trong bảng Năng lực cơ bản (KD), các giai đoạn xây dựng chỉ số năng lực IPK bao gồm ba bước, đó là xác định chiều quá trình tư duy và quá trình tiếp thu kiến thức trong KD, mô tả tài liệu và xác định các giai đoạn của quá trình tư duy và xác định câu IPK.

Công thức KD được chọn để phát triển trong các minh họa học tập như sau.

Môn học : Ngôn ngữ Đức/Tiếng Đức  
 Trình độ/ Lớp : Trung học Phổ thông/XII  
 Năng lực cơ bản:

- 3.3 Hiểu các hành vi ngôn ngữ liên quan đến việc hỏi và cung cấp thông tin về các hoạt động giải trí /hoạt động đã thực hiện/đã xảy ra trong quá khứ liên quan đến du lịch/ ngành du lịch trong các văn bản tương tác giao dịch bằng miệng và bằng văn bản viết dựa trên ngữ cảnh thông qua xem xét các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.
- 4.3 Soạn các văn bản giao dịch bằng miệng và trên giấy tờ đơn giản và xúc tích liên quan đến các hành động cung cấp và yêu cầu thông tin liên quan đến du lịch / ngành du lịch trong các văn bản tương tác giao dịch bằng miệng và bằng văn bản dựa trên ngữ cảnh, chức năng xã hội thích hợp, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ.

### 1. Các bước để xác định chiều quá trình tư duy và kiến thức trong bảng mô tả năng lực cơ bản (KD)

Bước đầu tiên, các yếu tố trong công thức KD được xây dựng và chia thành hai loại, cụ thể là loại quá trình tư duy và các loại kiến thức. Trong công thức KD, chiều quá trình tư duy được mô tả bằng cách sử dụng động từ, trong khi chiều của kiến thức được đặc trưng bởi việc sử dụng danh từ.

Bảng dưới đây minh họa kết quả của việc xác định các chiều kiến thức và quá trình tư duy nêu trong KD 3.3 và KD 4.3.

**Bảng 3.1 Xác định các chiều hướng của quá trình tư duy và kiến thức trong KD**

Năng lực cơ bản KD	Động từ (Chiều quá trình tư duy dimension)	Danh từ (Chiều kiến thức)
3.3	Hiểu	Hành vi ngôn ngữ liên quan đến việc cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về các hành động/hoạt động giải trí/hành động đã thực hiện/đã xảy ra trong quá khứ liên quan đến du lịch/ngành du lịch trong các tương tác giao dịch bằng miệng và văn bản viết với chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.
4.3	Biên soạn	Các giao dịch bằng lời nói và văn bản viết xúc tích, ngắn gọn liên quan đến các hành động cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến du lịch/ngành du lịch trong tương tác giao dịch bằng miệng và văn bản viết dựa trên ngữ cảnh với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

Mục tiêu của quá trình tư duy từ hai năng lực cơ bản (KD) nêu trên là Hiểu (KD 3.3) và Biên soạn (KD 4.3) các văn bản tương tác trong giao

dịch bằng lời nói và bằng văn bản. Vì vậy, quá trình học tập phải có khả năng thích ứng với các hoạt động học tập dẫn đến đạt được Năng lực cơ bản.

Kiến thức trong tài liệu học tập (KD 3.3 và 4.3) ở dạng tương tác giao dịch bằng lời nói và văn bản viết dùng để hỏi và cung cấp thông tin liên quan đến hai chủ đề chính, đó là hoạt động giải trí và du lịch/ngành du lịch. Trong minh họa này, tài liệu sẽ tập trung vào chủ đề du lịch/ngành du lịch.

## 2. Bước chuẩn bị tài liệu học tập và quyết định các giai đoạn của quá trình tư duy

Bước thứ hai là xây dựng chỉ số đánh giá chỉ số năng lực IPK dựa trên Năng lực cơ bản (KD). Để hình thành chỉ số năng lực IPK, cần phải mô tả tài liệu (các chiều kiến thức) và xác định các giai đoạn của quá trình tư duy một cách cụ thể hơn. Mong rằng giáo viên có thể xây dựng các chỉ tiêu kỹ năng cơ bản KD thành các giai đoạn cụ thể hơn và có thể áp dụng trong quá trình học tập. Việc xây dựng các giai đoạn của quá trình tư duy có thể sử dụng các động từ hoạt động được cung cấp trong Thang Bloom's (Chương I).

Bảng sau đây trình bày các giai đoạn của quá trình tư duy cũng như các tài liệu học tập để đạt được Năng lực cơ bản KD nói trên.

**Bảng 3.2 Bảng mô tả chi tiết tài liệu chi tiết và quá trình nhận thức**

KD	Quá trình nhận thức		Kiến thức
	Mục tiêu	Giai đoạn	Tài liệu học tập/kiến thức
3.3	Hiểu	1. Nhận dạng	Từ vựng liên quan đến nơi chốn, điều kiện thời tiết, và hoạt động được miêu tả trong văn bản liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch
		2. Nhận dạng	Động từ ở thì hoàn thành trong văn bản có liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch

		3. Kết luận	Nội dung của các văn bản giao dịch về du lịch/ngành du lịch liên quan đến chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ.
4.3	Biên soạn	1. Áp dụng	Văn bản giao dịch bằng miệng và văn bản viết về du lịch/ngành du lịch liên quan đến chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ.
		2. Thiết kế	
		3. Biên soạn	

### 3. Bước xác định câu IPK

Bước thứ ba là xác định IPK dựa trên mô tả được minh họa trong bảng trên. Dựa trên mô tả đó, IPK có thể được hình thành như sau.

KD3.3

IPK3.3.1 Xác định các từ vựng liên quan đến địa điểm, điều kiện thời tiết và các hoạt động trong văn bản liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch.

IPK3.3.2 Xác định các động từ ở thì hoàn thành trong văn bản liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch.

IPK3.3.3 Kết luận nội dung của các giao dịch bằng miệng và văn bản viết xúc tích, ngắn gọn liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

KD4.3

IPK4.3.1 Áp dụng các giao dịch bằng miệng và văn bản viết ngắn gọn, xúc tích liên quan đến du lịch/lữ hành với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

IPK 4.3.2 Thiết kế các giao dịch bằng miệng và bằng văn bản viết ngắn gọn, xúc tích liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và các đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

IPK 4.3.3 Soạn các giao dịch bằng miệng và văn bản viết ngắn gọn, xúc tích liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

### 3.3 Ví dụ về Giáo án

Dựa trên công thức KD đã chọn và công thức IPK ở trên, các hoạt động học tập được phát triển bằng cách sử dụng phương pháp học tập qua bài tập dự án. Dưới đây là ví dụ về một giáo án để minh họa việc thực hiện học tập qua bài tập dự án cũng như giáo án.

Hình minh họa trong giáo án được phép sửa đổi. Nếu bạn muốn áp dụng cách học tương tự, bạn có thể phỏng theo và điều chỉnh cho phù hợp với ngữ cảnh của lớp bạn.

#### GIÁO ÁN

**Trường** : Trường THPT SEAQIL

**Môn học** : Tiếng Đức

**Khối/Học kỳ:** XII/2

**Phân bố thời gian:** 4 buổi học (1 buổi = 2 x 45 phút)

#### A. Năng lực Cơ bản (KD) và các Chỉ số Năng lực (IPK)

Năng lực cơ bản		Chỉ số Năng lực	
3.3	Giải thích hành động diễn thuyết liên quan đến việc cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về các hành động/hoạt động giải trí/hành động đã thực hiện/đã xảy ra trong quá khứ liên quan đến du lịch/ngành du lịch trong các giao dịch bằng lời nói và văn bản viết dựa trên ngữ cảnh, với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.	3.3.1	Xác định các từ vựng liên quan đến địa danh, điều kiện thời tiết và các hoạt động trong văn bản liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch
		3.3.2	Xác định các động từ ở dạng hoàn thành trong văn bản liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch.
		3.3.3	Kết luận nội dung của các văn bản giao dịch bằng lời nói và viết ngắn gọn và xúc tích về chủ đề du lịch/ngành du lịch dựa trên các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ.

4.3	Soạn giao dịch bằng lời nói và văn bản viết ngắn gọn, xúc tích về hành động cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến giao dịch bằng lời nói và văn bản viết về du lịch/ngành du lịch dựa trên ngữ cảnh với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.	4.3.1	Áp dụng các văn bản giao dịch bằng lời nói và viết ngắn gọn và xúc tích về du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.
		4.3.2	Thiết kế các giao dịch bằng lời nói và văn bản viết ngắn gọn và xúc tích liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.
		4.3.3	Soạn các giao dịch bằng lời nói và văn bản viết ngắn gọn và xúc tích liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội thích hợp, cấu trúc văn bản và các đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

### B. Mục tiêu học tập

Thông qua học tập qua bài tập dự án, học sinh có thể dịch các văn bản giao dịch liên quan đến du lịch/ngành du lịch. Học sinh có thể làm việc độc lập, kỷ luật và có trách nhiệm trong việc soạn thảo các văn bản này bằng chức năng xã hội và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

### C. Tài liệu học tập

Kiến thức	Tài liệu
Thực tế	Từ vựng liên quan đến địa điểm du lịch, điều kiện thời tiết và các hoạt động khi đi du lịch
Khái niệm	<i>Hình thức động từ ở thể hoàn thành và quá khứ đơn</i>
Qui trình	Biểu hiện của việc yêu cầu và cung cấp thông tin liên quan đến địa điểm du lịch, điều kiện thời tiết và các hoạt động khi đi du lịch

## D. Phương pháp/Mô hình Học

Học tập dựa trên dự án

## E. Phương tiện/Công cụ và Tài liệu Học tập

- PPT về các địa điểm du lịch mẫu
- Các thẻ (card) động từ (hình thức *nguyên mẫu* và *quá khứ đơn*)
- Worksheets
- Bảng kế hoạch dự án
- Bảng quảng cáo đánh giá dự án
- Máy chiếu
- Máy tính xách tay
- Modem

## F. Các nguồn tài liệu học

- Các đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề học được lấy từ sách giáo khoa.
- Trang web như [www.canva.com](http://www.canva.com) hoặc ứng dụng máy tính khác để tạo ra bảng quảng cáo kỹ thuật số.

## G. Giai đoạn học

Đối với mỗi buổi học, các bước học tập bao gồm các hoạt động chuẩn bị, hoạt động chính và hoạt động kết thúc. Quá trình học tập dựa trên dự án được chia thành bốn buổi học với thời gian dành cho mỗi buổi học là 2x45 phút. Nội dung chi tiết của quá trình học tập như sau.

### 1. Buổi học đầu tiên: Thời gian 2 x 45 phút

#### Khởi động

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
1	Chào hỏi và yêu cầu lớp trưởng hướng dẫn cả lớp cầu nguyện trước khi bắt đầu học	10 phút
2	Điểm danh học sinh	

3 Đưa ra cảm nhận về tranh ảnh liên quan đến chủ đề học, cụ thể là du lịch/ngành du lịch và đặt câu hỏi để kích thích sự tò mò của học sinh về chủ đề học.

Hình minh họa:





Câu hỏi mẫu cho học sinh:

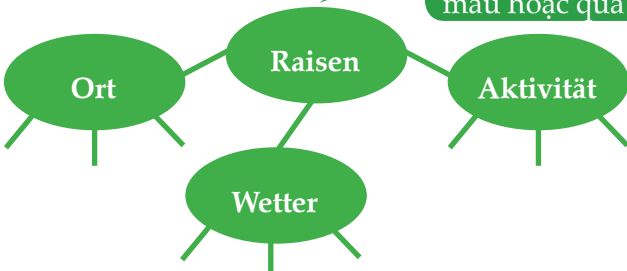
- a. "Was seht ihr auf dem Bild?" (Bạn thấy gì trong bức hình đó?)
- b. "Was werden wir heute lernen?" (Chúng ta sẽ học gì hôm nay?)

4 Đưa ra hình ảnh minh họa về lợi ích của tài liệu đã học trong cuộc sống hàng ngày.

5 Giới thiệu mục tiêu bài học.

Hoạt động trọng tâm

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
<b>Các hoạt động chuẩn bị giao tiếp</b>		
1.	<p>Học sinh quan sát và thảo luận một số hình ảnh về các địa điểm du lịch nổi tiếng ở In-đô-nê-xi-a được trình bày trong PPT.</p> <p>Hình ví dụ:</p>  <p style="text-align: center;"><b>Hình 1. Pura Tanah Lot, Bali</b></p> <p>(source: <a href="https://www.befreetour.com/img/produk/taman-ayun-and-tanah-lot-temple-tour/taman-ayun-and-tanah-lot-temple-tour_666b50f4f86dc0c42d3d3991b2257555be1ab1dc.jpg">https://www.befreetour.com/img/produk/taman-ayun-and-tanah-lot-temple-tour/taman-ayun-and-tanah-lot-temple-tour_666b50f4f86dc0c42d3d3991b2257555be1ab1dc.jpg</a>)</p>  <p style="text-align: center;"><b>Hình 2. Kraton Ngayogyakarta Hadiningrat, DI Yogyakarta</b></p> <p>(Source: <a href="https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/3/33/Kraton_Yogyakarta_Pagelaran.jpg/1200px-Kraton_Yogyakarta_Pagelaran.jpg">https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/3/33/Kraton_Yogyakarta_Pagelaran.jpg/1200px-Kraton_Yogyakarta_Pagelaran.jpg</a>)</p>	15 phút

	<p>Câu hỏi ví dụ cho học sinh:</p> <p>a. "Was seht ihr auf dem Bild?" (Bạn thấy gì trong hình?)</p> <p>b. "Wo liegt es??" (Nó nằm ở đâu??)</p> <p>c. "Wie findet ihr es?" (Bạn nghĩ gì về địa điểm đó?)</p> <p>d. "Wer war schon mal da?" (Ai đã từng viếng thăm địa điểm đó?)</p> <p>e. "Was hast du dort gemacht?" (Bạn đã làm gì ở đó?)</p> <p>f. "Wann bist du dort gefahren?" (Bạn đến đó khi nào?)</p> <p>g. "Wie war das Wetter?" (Thời tiết như thế nào?)</p>	<p>Ba câu hỏi cuối là để hỏi những học sinh đã từng viếng thăm các địa điểm du lịch cụ thể</p>
<p>2.</p>	<p>Học sinh trả lời các câu hỏi liên quan đến các bức tranh bằng tiếng Indonesia hoặc tiếng Đức. Giáo viên viết các từ hoặc câu nói bằng tiếng Đức lên bảng cùng với một tờ biểu đồ (Assoziogramm - mind map).</p> <p>Ví dụ về mind map (Assoziogramm):</p> 	<p>10 phút</p> <p>Trong bảng mô tả này, chúng ta cho rằng học sinh đã học thì hoàn thành và các động từ ở thể hoàn thành. Do đó, động từ liên quan đến hoạt động có thể viết dưới dạng nguyên mẫu hoặc quá khứ phân từ</p>

<p>3.</p>	<p>Chia học sinh thành các nhóm, mỗi nhóm có 4 hoặc 5 người . Học sinh làm việc theo nhóm để nối từ vựng từ 2 bộ thẻ khác nhau.</p> <p>Ví dụ về card:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="background-color: yellow; padding: 5px; border: 1px solid black;"><b>gereist</b></div> <div style="background-color: green; padding: 5px; border: 1px solid black;"><b>reisen</b></div> </div> <p>Hướng dẫn cách chơi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Hai bộ thẻ có các màu khác nhau (ví dụ: xanh lá cây và vàng). Các thẻ màu xanh lá cây chứa các động từ ở dạng nguyên mẫu (không liên hợp / Infinitivsform). Trong khi đó, các thẻ màu vàng có các động từ ở dạng hoàn thành (Quá khứ phân từ Past participle II).</li> <li>b. Các động từ trong thẻ được dự đoán sẽ xuất hiện trong văn bản để giúp học sinh hiểu được văn bản, điều này sẽ được thảo luận trong bước tiếp theo.</li> <li>c. Thời gian của hoạt động phụ thuộc vào số lượng thẻ trò chơi được cung cấp.</li> <li>d. Giáo viên đưa ra các cặp từ đúng sau khi trò chơi kết thúc. Học sinh so sánh câu trả lời của nhóm học với câu trả lời đúng.</li> <li>e. Trước khi kết thúc hoạt động, học sinh phải viết các cặp từ vào vở.</li> </ol>	
<p>4.</p>	<p>Giáo viên cung cấp học sinh một số văn bản liên quan đến chủ đề học. Học sinh thảo luận về văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi của giáo viên.</p> <p>Example (cited from Logisch! A1)</p>	<p>20 phút</p>

Bên cạnh việc làm giàu vốn từ vựng liên quan đến chủ đề du lịch/ ngành du lịch, mục đích của trò chơi này còn giúp tăng cường sự hiểu biết của học sinh về hình thức thay đổi động từ thể quá khứ đơn

Julia : Wohin bist du in den Ferien **gefahren**?

Markus : Ich bin mit meinen Eltern nach Österreich, an den Neu-siedler See **gefahren**

Julia : Toll! Wie war das Wetter in Österreich?

Markus : Es war gut. Die Sonne **hat** jeden Tag **geschiene**n.

Julia : Und was **habt** ihr da **gemacht**?

Markus : Wir **haben gecamp**t. Und was **hast** du **gemacht**?

Julia : Ich **bin** nach Balkonien **gefahren**.

Markus : Balkonien? Wo liegt denn das?

Julia : Quatsch! Ich **bin** nicht weg **gefahren**.  
Ich **bin** nur zu Hause **geblieben**.

Giáo viên nên dịch văn bản này, nếu nó là audio hoặc video.

Câu hỏi ví dụ:

- a. "Wie heißen die Leute im Text?" (Tên của các nhân vật trong đoạn văn là gì?)
- b. "Worüber besprechen die Leute im Text?" (Các nhân vật nói về điều gì trong văn bản?)
- c. "Wohin ist ... in den Ferien gegangen?" (... đi đâu trong kỳ nghỉ?)
- d. "Wie war das Wetter?" (Thời tiết như thế nào?)
- e. "Was hat ... in ... gemacht?" (... đang làm gì?)
- f. "Wo steht die Information im Text?" (Bạn có thể tìm thấy thông tin ở đâu trong đoạn văn?)
- g. "Wenn du ... wärest, was hättest du in den Ferien gemacht?" (Nếu bạn là ....., bạn sẽ tận hưởng kỳ nghỉ của bạn như thế nào?)

Giáo viên nên cung cấp nhiều hơn 1 văn bản, để học sinh có thể có nhiều từ vựng liên quan đến chủ đề, phân tích nội dung cũng như cấu trúc, chức năng xã hội của từng văn bản.

5.	<p>Nếu học sinh được chia thành các nhóm có 3-4 người. Trong nhóm, học sinh thực hành cuộc hội thoại dựa trên tình huống đã cho theo nhóm. Sau đó, học sinh trình bày hội thoại trước lớp. Thông qua hoạt động này, giáo viên có thể đánh giá kỹ năng nói của học sinh.</p> <p>Mẫu hướng dẫn:</p> <p><i>Machen Sie einen Dialog und spielen Sie ihn aus.</i></p> <p><i>Heute ist der erste Tag in dem neuen Semester in der Schule. Sie unterhalten sich mit Ihren Schulkameraden über letzte Schulferien. <b>Fragen Sie diese folgenden Fragen:</b></i></p> <p>a. <i>Wo warst du?</i> (Bạn đi đâu trong suốt kỳ nghỉ?)          b. <i>Wie war es?</i> (Kỳ nghỉ như thế nào?)          c. <i>Wie war das Wetter?</i> (Thời tiết như thế nào?)          d. <i>Was hast du dort gemacht?</i> (Bạn làm gì ở đó?)</p>	25 phút
----	---	---------

### Hoạt động mở rộng

Stt.	Hoạt động chi tiết	Thời gian (phút)
1.	Hướng dẫn học sinh tự đánh giá về những hoạt động đã thực hiện	10 phút
2.	Đưa ra kế hoạch cho buổi học tiếp theo  Ví dụ: Trong buổi học tiếp theo, các em sẽ thực hiện một dự án liên quan đến chủ đề học hôm nay.	

2.	Do đó, các em sẽ làm việc theo nhóm để tạo nên một sản phẩm riêng. Trong buổi học tiếp theo, chúng ta sẽ thảo luận dự án chi tiết hơn.	
3.	Kết thúc buổi học.	

**2. Buổi học thứ 2: Thời gian 2 x 45 phút**

**Khởi động**

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
1.	Chào hỏi và yêu cầu lớp trưởng hướng dẫn lớp cầu nguyện trước khi bắt đầu buổi học.	15 phút
2.	Điểm danh học sinh.	
3.	Hướng dẫn học sinh ôn lại nội dung bài học hôm trước và dẫn dắt vào bài mới.	
4.	Hướng dẫn các hoạt động cần làm trong buổi học này. Ví dụ: <i>“Ihr werdet in einer Gruppe arbeiten und zusammen ein Projekt zum Thema ‘Unsere Semesterferien’ machen. Am Anfang zeige ich euch die Sinnfrage. Danach, basierend auf der Frage, plant ihr zusammen das Projekt und bringt am Ende etwas zu Stande.”</i> (Bạn sẽ thực hiện một dự án với chủ đề “Kỳ nghỉ của chúng ta” theo nhóm. Đầu tiên, Giáo viên sẽ đưa ra một số câu hỏi về dự án. Dựa vào các câu hỏi này, bạn sẽ làm một kế hoạch dự kiến, và tạo ra một sản phẩm gì đó khi kết thúc dự án.)	

Stt.	Hoạt động trọng tâm	Thời gian (phút)
<b>Một số hỏi câu cần thiết</b>		
1.	Chia học sinh thành các nhóm, gồm 5 đến 6 học sinh	Việc chia nhóm có thể điều chỉnh tùy theo tình hình mỗi lớp
2.	Trả lời các câu hỏi thiết yếu chính là điều căn bản của dự án. Câu hỏi thiết yếu mẫu: <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px auto; width: fit-content;"> <i>Wie war eure Schulferien?</i>                      Kỳ nghỉ của bạn như thế nào?                 </div>	
<b>Thiết kế kế hoạch dự án</b>		
3.	Thông qua sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh quyết định dự án.	30 phút
4.	Học sinh lên kế hoạch và các định những việc liên quan đến dự án dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Công cụ dùng để thu thập dữ liệu,</li> <li>b. Tổng người tham gia phỏng vấn,</li> <li>c. Mô tả đề cập trong áp phích,</li> <li>d. Những thứ liên quan đến áp phích,</li> <li>e. Tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá.</li> </ul>	Trong dự án này, học sinh sẽ tạo một áp phích đồ họa kỹ thuật số để mô tả các địa điểm du lịch và các hoạt động do người tham gia phỏng vấn đã thực hiện trong kỳ nghỉ.
5.	Học sinh thảo luận và làm dự án theo nhóm. Ví dụ: <p>Quyết định các hoạt động thực hiện trong suốt quá trình dự án (quá trình thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, trình bày trên áp phích (posters), etc.).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Xác định các thiết bị được sử dụng để làm posters.</li> <li>b. Văn bản</li> </ul>	Nhằm giúp cho học sinh phân tích tình huống và đưa ra quyết định dựa trên kết quả phân tích.

Lập kế hoạch chi tiết	
6.	<p>Đưa ra bảng tiến độ dự án, thông báo thời gian hoàn thành dự án và tạo điều kiện cho học sinh thảo luận và lập kế hoạch chi tiết cho dự án.</p> <p>Ví dụ về hướng dẫn của giáo viên:</p> <p>Chúng ta sẽ thực hiện dự án này trong 4 buổi học, bắt đầu từ buổi học hôm nay. Trong buổi học này, các em sẽ làm việc theo nhóm để lập kế hoạch và lịch trình cho dự án. Buổi học thứ 4, dự kiến các em đã hoàn thành dự án và sẽ trình bày trước lớp. Bây giờ, chúng ta sẽ thảo luận và thống nhất các mục tiêu phải đạt được trong buổi học thứ 2 và thứ 3.</p>
7.	<p>Phát phiếu lập kế hoạch dự án (đính kèm) để học sinh điền vào.</p>
8.	<p>Học sinh thảo luận để quyết định các mục sau và viết vào bảng kế hoạch dự án</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Lịch trình</li> <li>b. Thời gian hoàn thành hoạt động,</li> <li>c. Người phụ trách, và</li> <li>d. Phân chia nhiệm vụ giữa các thành viên trong nhóm</li> </ol>

Theo minh họa này, dự án sẽ được hoàn thành trong 4 buổi học.

Bản kế hoạch dự án được giáo viên sưu tầm làm tài liệu tham khảo để theo dõi quá trình học tập của học sinh

## Hoạt động mở rộng

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
1.	Hướng dẫn học sinh tự đánh giá về bài học tại buổi học.	10 phút
2.	<p>Đưa ra kế hoạch cho buổi học tiếp theo.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Như chúng ta đã thống nhất trước đó, buổi học tiếp theo, các em sẽ phân tích dữ liệu đã thu thập được thông qua quá trình phỏng vấn và bắt đầu làm áp phích đồ họa kỹ thuật số. Vì vậy, các em vui lòng mang theo máy tính xách tay, modem hoặc các thiết bị cần thiết để thuận tiện cho quá trình thảo luận và làm áp phích.</p>	<p>Theo bảng minh họa này, quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua phỏng vấn ngoài thời gian lên lớp.</p> <p>Để điều chỉnh quá trình thu thập dữ liệu, giáo viên có thể yêu cầu học sinh lưu lại hoạt động phỏng vấn theo dạng video</p>
3.	Kết thúc buổi học	

## 3. Buổi học thứ 3: Thời gian 2 x 45 phút

### Khởi động

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
1.	Chào hỏi và yêu cầu lớp trưởng hướng dẫn lớp cầu nguyện trước khi bắt đầu buổi học.	10 phút
2.	Điểm danh học sinh.	
3.	Nhắc lại bài học hôm trước và dẫn vào nội dung bài mới.	
4.	Hướng dẫn các hoạt động trong buổi học này.	

**Tổ chức hoạt động trọng tâm**

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
<b>Hoàn thành dự án</b>		
1.	Chào hỏi và yêu cầu lớp trưởng hướng dẫn lớp cầu nguyện trước khi bắt đầu buổi học.	70 phút
2.	Học sinh làm việc theo nhóm để: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thiết kế chủ đề, nội dung áp phích</li> <li>b. Xử lý dữ liệu về kết quả phỏng vấn, và</li> <li>c. Trực quan hóa dữ liệu kết quả phỏng vấn thành một áp phích kỹ thuật số.</li> </ul>	
3.	Học sinh có thể tham khảo với giáo viên tiến độ của dự án và những trở ngại gặp phải, cả về kỹ thuật và ngôn ngữ.	

Giáo viên nên cung cấp input để khuyến khích học sinh suy nghĩ tư duy và định hướng học sinh giải quyết vấn đề của bản thân.

Quan sát quá trình dự án có thể thực hiện ngoài giờ học, một trong những cách là tận dụng các ứng dụng sẵn có như là hương tiện truyền thông.

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
1.	Hướng dẫn học sinh tự đánh giá về quá trình học	10 phút
2.	Đưa ra kết hoạch cho buổi học tiếp theo.  Ví dụ: Buổi học tiếp theo các em sẽ trình bày áp phích mà nhóm đã làm. Vui lòng hoàn thành áp phích như thời hạn đã giao. Ngoài ra, chú ý đến tiêu chí đánh giá và các điểm trọng tâm cho bài thuyết trình về áp phích.	
3.	Kết thúc buổi học.	

**4. Buổi học thứ 4: Thời gian 2 x 45 phút**

**Hoạt động mở rộng**

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
1.	Chào hỏi và yêu cầu lớp trưởng hướng dẫn lớp cầu nguyện trước khi bắt đầu buổi học.	10 phút
2.	Điểm danh học sinh.	
3.	Nhắc lại bài học hôm trước và dẫn vào nội dung bài mới.	
4.	Hướng dẫn các hoạt động trong buổi học này.	

**Tổ chức hoạt động trọng tâm**

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
<b>Đánh giá kết quả dự án</b>		
1.	Giải thích các quy tắc và tiêu chí đánh giá của việc trình bày kết quả dự án	45 phút
2.	Học sinh trình bày liên tục các hình ảnh, nội dung trên áp phích (posters)	
<b>Đánh giá dự án</b>		
3.	Học sinh tiến hành đánh giá chéo để đánh giá thái độ của từng thành viên trong nhóm trong quá trình thực hiện dự án.	25 phút
4.	Học sinh đánh giá toàn bộ hoạt động của dự án bằng cách dán stickers lên bảng đánh giá do giáo viên chuẩn bị.  Ví dụ về bảng đánh giá:	

Có thể in ra áp phích hoặc trình bày trên máy chiếu

<p>Ich habe das Projekt nicht interessant gefunden</p> <p>● ●</p>	<p>Ich habe das Projekt nicht so interessant gefunden</p> <p>● ● ●</p>	<p>Ich habe das Projekt sehr interessant gefunden</p> <p>● ● ● ● ● ●</p>	
<p>Cách hướng dẫn:  <i>„Ihr solltet diese Projekt-Aktivität bewerten. An der Wand habe ich ein Poster schon angeklebt. Dort gibt es drei Aussagen. Das sind 'Ich habe das Projekt nicht interessant gefunden', 'Ich habe das Projekt nicht so interessant gefunden' und 'Ich habe das Projekt sehr interessant gefunden'. Steckt den Sticker in der passenden Säule. Zum Beispiel, wenn ihr die Aktivität sehr mögt, dann klebt das Sticker in die dritte Säule an.“</i>                  (Tôi có dính kèm bảng đánh giá hoạt động. Có ba câu tương ứng với 3 cột theo thứ tự là “Dự án này không thú vị”, “Dự án này khá thú vị” và “Dự án này rất thú vị”. Bạn phải đánh giá hoạt động dự án mà bạn đã thực hiện bằng cách đặt stickers vào cột phù hợp với ý kiến của bạn. Ví dụ: nếu bạn thực sự thích hoạt động của dự án, vui lòng đặt stickers vào cột thứ ba.)</p>			
<p>5.</p>	<p>Học sinh có thể bày tỏ ý kiến của mình liên quan đến hiệu quả học tập qua bài tập dự án đối với sự hiểu biết của họ về khái niệm câu hoàn thành. Sau đây là một số câu hỏi tham khảo.</p>		

	<p>a. “..., was hast du beim Unterricht gut gefunden? Und was nicht?” (... , bạn nghĩ phần học nào là hay nhất? Và bạn nghĩ phần nào kém hơn?)</p> <p>b. “Was ist schwer für euch beim Projekt?” (Theo bạn, những khó khăn khi hoàn thành dự án là gì?)</p> <p>c. “...,kannst du das Perfekt gut verstehen und im richtigen Kontext benutzen?” (... , Bạn có hiểu thì hoàn thành và bạn có thể áp dụng nó trong ngữ cảnh phù hợp không?)</p>	<div style="background-color: #008000; color: white; padding: 10px; border-radius: 10px;">                 Dùng những câu hỏi này để tìm hiểu sâu hơn về những ý kiến có liên quan đến hoạt động dự án của học sinh.             </div>
--	--	---

**Hoạt động mở rộng**

Stt.	Hoạt động	Thời gian (phút)
1.	Yêu cầu học sinh đưa ra kết luận về bốn buổi học vừa qua và chia sẻ những điều bổ ích đã học được	10 phút
2.	Đưa ra kế hoạch sẽ được thực hiện trong buổi học tiếp theo	
3.	Kết thúc hoạt động	

**6. Quá trình đánh giá và kết quả học tập**

**1. Kỹ thuật đánh giá**

- a. Đánh giá thái độ : quan sát, đánh giá chéo giữa các học sinh
- b. Đánh giá kiến thức : kiểm tra viết
- c. Đánh giá kỹ năng : thuyết trình

**2. Loại đánh giá**

- a. Đánh giá thái độ : phiếu quan sát, phiếu đánh giá dành cho học sinh
- b. Đánh giá kiến thức : Kiểm tra viết
- c. Đánh giá kỹ năng : phiếu đánh giá kỹ năng nói
- d. Đánh giá dự án : phiếu đánh giá dự án

**Lưu ý:****a) Đánh giá thái độ**

Việc đánh giá thái độ được thực hiện trong suốt giai đoạn lên kế hoạch, thực hiện và báo cáo của dự án bằng các kỹ thuật quan sát. Ngoài ra, đánh giá chéo giữa bạn cùng lớp cũng được thực hiện để hỗ trợ dữ liệu thu được thông qua quá trình quan sát.

**b) Đánh giá kiến thức**

Đánh giá kiến thức được thực hiện một lần sau khi hoạt động dự án kết thúc. Đánh giá kiến thức dưới dạng một bài kiểm tra viết sẽ đo lường ba chỉ số năng lực IPK sau đây.

- 3.3.1 Xác định các từ vựng liên quan đến tên địa điểm, điều kiện thời tiết và các hoạt động trong văn bản liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch.
- 3.3.2 Xác định động từ ở dạng hoàn thành trong văn bản liên quan đến chủ đề du lịch/ngành du lịch.
- 3.3.3 Tóm tắt nội dung của các văn bản giao tiếp qua lời nói và viết ngắn gọn, xúc tích liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

**c) Đánh giá kỹ năng**

Trước khi học sinh soạn văn bản một cách độc lập thông qua các hoạt động dự án, học sinh được yêu cầu tạo văn bản giao tiếp qua lời nói dựa trên tình huống đã cho và thực hành chúng trước lớp. Giáo viên chấm điểm kỹ năng nói của học sinh dựa trên các bài tập này.

Dưới đây là mục tiêu IPK cho bài đánh giá kỹ năng.

- 4.3.1 Áp dụng các văn bản giao tiếp qua lời nói và viết ngắn gọn và xúc tích liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp

### d) Đánh giá dự án

Đánh giá dự án được thực hiện liên tục trong ba giai đoạn của quá trình thực hiện dự án, đó là lập kế hoạch dự án, thực hiện dự án và báo cáo dự án để đánh giá thái độ, kiến thức và kỹ năng của học sinh. Mặc dù dự án được thực hiện theo nhóm nhưng việc đánh giá vẫn được tính cá nhân.

Dưới đây là IPK đánh giá thông qua đánh giá dự án

4.3.2 Thiết kế các văn bản giao tiếp qua lời nói và viết gọn và xúc tích liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

4.3.3 Soạn các văn bản giao tiếp qua lời nói và viết ngắn gọn và xúc tích liên quan đến du lịch/ngành du lịch với các chức năng xã hội, cấu trúc văn bản và đặc điểm ngôn ngữ phù hợp.

Ghi chú:

Đính kèm các công cụ và tiêu chuẩn đánh giá sử dụng trong minh họa này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bettermann, C., et al. (2005). *Studio d A1, deutsch als fremdsprache, unterrichtsvorbereitung*. Berlin: Cornelsen.
- Koithan, U., et al. (2013). *Logisch! deutsch für jugendliche, kursbuch a1*. München: Klett- Langenscheidt.
- Niemann, R. M. & Kim, D. H. (2014). *Studio d a1, deutsch als fremdsprache, sprachtraining*. Jakarta: Katalis.
- Ratnawati, H., et al. (2017). *Menyusun laporan hasil asesmen pendidikan di sekolah: Referensi untuk pendidik, mahasiswa, dan praktisi pendidikan*. Yogyakarta: UNY Press.



# KẾT LUẬN

Học qua bài tập dự án là phương pháp cho phép học sinh thảo luận tích cực trong quá trình học thông qua việc áp dụng kiến thức đã có vào bối cảnh cuộc sống hàng ngày. Bằng việc áp dụng phương pháp học này, học sinh có thể phát triển nhiều kỹ năng khác nhau, bao gồm các kỹ năng xã hội. Do đó, phương pháp học qua bài tập dự án phù hợp với mô hình học ở Indonesia. Phương pháp này có thể giúp đạt được ba năng lực cốt lõi, đó là kiến thức, kỹ năng và trình độ, như được nêu trong Chương trình giáo dục năm 2013 của Indonesia.

Các kỹ năng tư duy bậc cao của học sinh cũng có thể được phát triển trong hầu hết các bước thực hiện phương pháp học qua bài tập dự án. Giáo viên có thể thúc đẩy khả năng của học sinh trong việc phân tích và đánh giá, chẳng hạn như trong các giai đoạn xác định chủ đề, lập kế hoạch và lịch trình dự án, quá trình tìm hiểu và phân tích dữ liệu. Ngoài ra, phương pháp học này còn khích lệ học sinh có khả năng phân tích các điều kiện hoặc nhu cầu của mình, đưa ra các đánh giá và lập luận hỗ trợ để có thể quyết định hoặc giải quyết vấn đề.

Giống như tên gọi, học tập qua bài tập dự án giúp học sinh trải nghiệm các giai đoạn nhất định để có thể tạo ra một sản phẩm khi kết thúc dự án. Vì vậy, học sinh được khuyến khích sáng tạo điều mới một cách độc lập, dựa trên kiến thức và kỹ năng có được trong quá trình học. Sự sáng tạo và cộng tác của học sinh trở thành những khía cạnh thiết yếu của quá trình thực hiện.

Thông qua học phần này, giáo viên cần hiểu khái niệm học tập qua bài tập dự án. Bên cạnh đó, hy vọng các minh họa học tập cung cấp trong học phần này sẽ giúp giáo viên có hiểu biết sâu sắc hơn và có thể áp dụng phương pháp học qua bài tập dự án trong bối cảnh giảng dạy của riêng mình.

# PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Ví dụ về bảng áp phích điện tử

Phụ lục 2: Ví dụ về bảng đánh giá thái độ

Phụ lục 3: Ví dụ về bảng kiểm tra kiến thức

Phụ lục 4: Ví dụ về bảng đánh giá kỹ năng

Phụ lục 5: Ví dụ về bảng đánh giá dự án

## Phụ lục 1

### VÍ DỤ VỀ BẢNG ÁP PHÍCH ĐIỆN TỬ



## PHỤ LỤC 2 VÍ DỤ VỀ BẢNG ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ

### 1. Nhật kí quan sát

Lớp :  
 Năm học :  
 Môn học :

Stt.	Thời gian	Tên	Tiêu chí/ Thái độ	Điểm thái độ*(*)	Điểm cộng (+)/ Điểm trừ (-)	Theo dõi

(\*) Điểm thái độ bao gồm thái độ cảm kính, tôn trọng, và thể hiện cách cư xử chân thành, nguyên tắc, hợp tác, lịch sự, và tự tin. Những điểm này đề cập đến các điểm thái độ được nêu trong công thức KI-2 cho cấp Trung học phổ thông.

### 2. Bảng đánh giá bạn cùng lớp

Tên của người đánh giá: .....

Đánh dấu (✓) hoặc dấu gạch chéo (x) vào câu phù hợp với quan sát của bạn trong quá trình thực hiện dự án.

Stt.	Chỉ số đánh giá	Bạn 1 (Tên: ...)	Bạn 2 (Tên: ...)
	Bạn tôi bày tỏ ý kiến của mình một cách lịch sự		
	Bạn tôi thực hiện nhiệm vụ của mình dựa theo phân công nhiệm vụ trong nhóm		
	Bạn tôi tôn trọng ý kiến của các bạn trong lớp		
	Bạn tôi giúp đỡ những bạn khác gặp khó khăn trong lớp		

### PHỤ LỤC 3

## VÍ DỤ VỀ BẢNG ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC

### 1. Ví dụ về bài tập nổi từ

#### Urlaubsaktivitäten

a) Welches Verb passt (am besten)? Ordnen Sie zu.

am Strand	1		
ein Schloss	2	a	besichtigen
Spazieren	3	b	machen
ein Picknick	4	c	gehen
im Hotel	5	d	liegen
durch die Altstadt	6	e	übernachten
eine Radtour	7	f	bummeln
ins Theater	8		

b) Schreiben Sie die passenden Aktivitäten unter die Bilder.



1.....



2.....



3.....



4.....



5.....



6.....



7.....



8.....

(Taken from Studio D A1 Sprachtraining)

Ghi chú:

Trong bảng A, yêu cầu học sinh nối các động từ với danh từ để tạo thành các cụm từ mô tả các hoạt động khi đi du lịch. Trong khi đó, trong bảng B, yêu cầu học sinh nối các cụm từ trong phần A với hình ảnh được cung cấp.

Nguồn hình ảnh:

- [1] <https://pxhere.com/nl/photo/1168899> (accessed 26 April 2019)
- [2] [https://commons.wikimedia.org/wiki/File:Schloss\\_ernstbrunn\\_07.JPG](https://commons.wikimedia.org/wiki/File:Schloss_ernstbrunn_07.JPG) (accessed 26 April 2019)
- [3] <https://pxhere.com/de/photo/687800> (accessed 26 April 2019)
- [4] <https://www.vectorstock.com/royalty-free-vector/tourists-at-the-hotel-reception-vector-13819027> (accessed 26 April 2019)
- [5] <https://tourismus.gera.de/index.php/gruppenangebote-stadtfoehrungen/oeffentliche-stadtrundgaenge> (accessed 26 April 2019)
- [6] <https://www.strandblick.de/rhapsodie-in-raps-radeln-an-der-ostseekueste/> (accessed 26 April 2019)
- [7] <https://www.badische-zeitung.de/laehr/ins-kino-gehen-ganz-ohne-mitdenken--62072885.html> accessed 26 April 2019)
- [8] <https://www.maedchen.de/life/kalorienverbrauch-beim-spazierengehen> (accessed 26 April 2019)

## 2. Ví dụ về bài tập đúng - sai

**Paul und Melanie haben für die Schülerzeitung einen Artikel über die Sommerferien geschrieben. Lies den Text. Sind die Aussagen richtig oder falsch?**

Der Sommer ist vorbei und unsere Freunde haben uns erzählt, was sie alles in den Ferien gemacht haben. Sie haben sehr viel Interessantes unternommen. Die meisten waren am Meer. Paul ist mit seinen Eltern und Großeltern nach Ägypten geflogen und sie haben in einem Hotel übernachtet. Es war dort wunderschön. Er hat auch viele neue Freunde kennengelernt und ist abends oft mit ihnen in die Disco gegangen. Melanie hat auf einem Campingplatz in Slowenien gezeltet. Sie ist auch viel geschwommen. Auch Andreas hatte eine tolle Zeit. Sein Vater und er sind oft mit dem Boot gefahren und haben viel geangelt.

Nr.	Aussagen	Richtig	Falsch
1	Die Schüler waren in den Bergen.		
2	Zwei Mädchen sind nach Australien geflogen.		
3	Melanie war an der slowenischen Küste.		
4	Andreas hat geangelt.		
5	Der Vater von Andreas ist alleine mit dem Boot gefahren.		

(Taken from <http://eucbeniki.sio.si/nem9/2962/index5.html>)

Ghi chú: Yêu cầu học sinh đọc 1 đoạn văn ngắn nói về trải nghiệm du lịch của một nhân vật và đánh dấu ô “đúng” hoặc “sai” những câu trong bảng dựa trên mô tả trong đoạn văn.

## 3. Ví dụ về bài tập có câu trả lời ngắn

**Lesen Sie die Fragen und schreiben Sie die Antworten wie im Beispiel.**

**Beispiel:** Wo waren Sie im Urlaub? (Insel Rügen) • Ich war auf der Insel Rügen.

1. • Wo warst du in den Ferien? (Berge) • .....
2. • Wie war das Wetter? (sehr gut) • .....
3. • Wo wart ihr im Urlaub? (Meer) • .....
4. • Wie war es? (super) •
5. • Wo waren deine Eltern im Urlaub? (Wien) • .....
6. • Wie war das Wetter? (oft geregnet) • .....

1. Mein Mann, meine Tochter und ich ..... in den Schulferien mit dem Auto nach Österreich ..... (fahren) 2. Abends ..... wir Bregenz, unser Ziel, .....(erreichen) 3. Dort ..... wir ..... (zelten) 4. Das Wetter war prima. Es ..... nicht ..... . (regnen) 5. Wir ..... viel ..... (machen) und viel ..... . (erleben)

(Taken from Studio D A1 Unterrichtsvorbereitung)

Ghi chú: Trong phần 1, yêu cầu học sinh viết câu trả lời cho các câu hỏi. Đồng thời, yêu cầu học sinh chuyển động từ sang thể hoàn thành trong phần 2.

Điểm cuối cùng của học sinh được tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm} = \frac{\text{Điểm tổng}}{\text{Điểm tối đa}} \times 100$$

## PHỤ LỤC 4

### VÍ DỤ VỀ BẢNG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG

**Machen Sie einen Dialog und spielen Sie ihn aus.**

Heute ist der erste Tag in dem neuen Semester in der Schule. Sie unterhalten sich mit Ihrem Schulkamerad/Ihrer Schulkameradin über Schulferien. Fragen Sie ihm/ihr diese folgenden Fragen :

1. Wo warst du in den Schulferien? (Bạn đã đi đâu trong suốt kỳ nghỉ?)

2. Wie war deine Ferien? (Kỳ nghỉ của bạn như thế nào?)
3. Wie war das Wetter? (Thời tiết như thế nào?)
4. Was hast du dort gemacht? (Bạn làm gì ở đó ?)

Ghi chú: Yêu cầu học sinh tạo đoạn hội thoại chia sẻ những trải nghiệm về kỳ nghỉ. Đưa học sinh tình huống và những câu hỏi để hỏi bạn cùng nhóm của mình.

Dưới đây là bảng đánh giá kỹ năng nói của học sinh:

**Bảng đánh giá**

Stt.	Tên	1	2	3	4	Tổng điểm
		Phù hợp với hướng dẫn (0-3)	Diction choice (0-3)	Phát âm đúng (0-3)	Ngữ pháp (0-1)	

$$\text{Điểm} = \frac{\text{Tổng điểm}}{10} \times 100$$

## PHỤ LỤC 5

### VÍ DỤ VỀ BẢNG ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

Tên Dự án :  
Nhóm :  
Tên học sinh :  
Lớp :

Stt.	Nội dung đánh giá	Điểm (1-4)
1.	Lên kế hoạch	
2.	Thu thập dữ liệu	
3.	Phân tích dữ liệu	
4.	Báo cáo miệng	
<b>Tổng điểm</b>		
<b>Điểm tối đa</b>		<b>16</b>

Ghi chú:

$$\text{Điểm} = \frac{\text{Tổng điểm}}{\text{Điểm tối đa}} \times 100$$

Nội dung	Tiêu chí và điểm			
	4	3	2	1
<b>Lên kế hoạch</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học sinh thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về đề tài.</li> <li>Học sinh có thể thảo luận một cách độc lập về kế hoạch chuẩn bị có hệ thống và phù hợp với các tiêu chí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học sinh thể hiện nền tảng tốt về tài liệu.</li> <li>Học sinh có thể thảo luận một cách độc lập về việc lập kế hoạch chuẩn bị có hệ thống, tuy nhiên không phù hợp với các tiêu chí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học sinh thể hiện nền tảng hiểu biết tương đối tốt về tài liệu.</li> <li>Học sinh có thể thảo luận một cách độc lập. Tuy nhiên, chưa thể lập kế hoạch phù hợp với tiêu chí một cách có hệ thống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Học sinh không hiểu rõ khái niệm.</li> <li>Học sinh cần được hướng dẫn nhiều trong việc thảo luận và sắp xếp kế hoạch sao cho có hệ thống và phù hợp với tiêu chí.</li> </ul>

<p><b>Thu thập dữ liệu</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh áp dụng kiến thức vào việc thu thập dữ liệu rất tốt.</li> <li>• Học sinh thu thập dữ liệu đầy đủ, có hệ thống, và phù hợp với các mục tiêu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh áp dụng kiến thức vào việc thu thập dữ liệu tốt.</li> <li>• Học sinh thu thập dữ liệu đầy đủ và có hệ thống. Tuy nhiên, dữ liệu không phù hợp với các mục tiêu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh áp dụng kiến thức vào việc thu thập dữ liệu khá tốt.</li> <li>• Học sinh thu thập dữ liệu đầy đủ. Tuy nhiên, tính hệ thống của dữ liệu không cao và không phù hợp với mục tiêu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh cần sự giúp đỡ khi áp dụng kiến thức vào việc thu thập dữ liệu.</li> <li>• Học sinh thu thập dữ liệu không có hệ thống và không độc lập. Bên cạnh đó, dữ liệu không phù hợp với mục tiêu.</li> </ul>
--------------------------------	--	--	--	--

<p><b>Phân tích dữ liệu</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh phân tích dữ liệu dựa trên mục tiêu, và có thể đưa ra kết luận có liên quan.</li> <li>• Học sinh chú ý đến bố cục cân đối và sự phù hợp giữa việc sử dụng hình ảnh và văn bản trong việc trực quan hóa dữ liệu thành áp phích thông tin kỹ thuật số.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh phân tích dữ liệu dựa trên các mục tiêu và có thể đưa ra kết luận, nhưng không liên quan.</li> <li>• Học sinh không chú trọng cân nhắc bố cục cân bằng. Tuy nhiên, học sinh vẫn quan tâm đến việc sử dụng hình ảnh và văn bản trong việc trực quan hóa dữ liệu thành áp phích đồ họa thông tin kỹ thuật số một cách phù hợp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh phân tích dữ liệu được nhưng tương đối không phù hợp với mục tiêu và đưa ra kết luận gần như không liên quan.</li> <li>• Học sinh quan tâm đến bố cục cân đối. Tuy nhiên, sinh viên sử dụng hình ảnh và văn bản trong việc trực quan hóa dữ liệu thành áp phích đồ họa thông tin kỹ thuật số không phù hợp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh phân tích dữ liệu được nhưng dữ liệu không phù hợp với mục tiêu và đưa ra kết luận không liên quan.</li> <li>• Học sinh không thực sự quan tâm đến bố cục và sự phù hợp giữa việc sử dụng hình ảnh và văn bản trong việc trực quan hóa dữ liệu thành áp phích đồ họa thông tin kỹ thuật số.</li> </ul>
---------------------------------	---	---	--	--

<p><b>Báo cáo miệng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh có thể sử dụng các quy tắc ngôn ngữ phù hợp, phát âm rõ ràng và tự tin khi trình bày kết quả dự án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh có thể sử dụng các quy tắc ngôn ngữ phù hợp và tự tin. Tuy nhiên, phát âm chưa rõ ràng khi trình bày kết quả dự án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh có thể sử dụng các quy tắc ngôn ngữ phù hợp. Tuy nhiên, phát âm không rõ ràng và thiếu tự tin khi trình bày kết quả dự án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học sinh không thực sự sử dụng được các quy tắc ngôn ngữ phù hợp, phát âm không rõ ràng và thiếu tự tin khi trình bày kết quả của dự án.</li> </ul>
-----------------------------	--	--	---	--



# PRIORITISING LANGUAGES, ADVANCING EDUCATION

## VISION

A Centre of professional excellence in the innovation of language education development within the framework of sustainable development in the region

## MISSION

To provide quality programmes of professional excellence for language teachers through learning resources development, research and development, capacity building and networking

## GOALS

To improve the quality of language teachers through the learning resources development, capacity building as well as research and development

To maintain and strengthen extensive networks among SEAMEO Member Countries focused on the innovation of language education development

## CORE VALUES

Innovative spirit  
Commitment towards quality  
Cooperation  
Customer satisfaction



Southeast Asian Ministers of Education Organization (SEAMEO)  
Regional Centre for Quality Improvement for Teachers and  
Education Personnel (QITEP) in Language (SEAQIL)

---

Jalan Gardu, Srengseng Sawah, Jagakarsa, Jakarta Selatan, Indonesia  
Tel: +62 21 7888 4106, Fax: +62 21 7888 4073

 [www.qiteplanguage.org](http://www.qiteplanguage.org)

 [qiteplanguage](https://www.facebook.com/qiteplanguage)

 [qitepinlanguage](https://www.instagram.com/qitepinlanguage)

 [QITEPinLanguage](https://twitter.com/QITEPinLanguage)

 [SEAMEO QITEP in Language](https://www.youtube.com/SEAMEOQITEP)

ISBN 978-623-98478-1-4 (PDF)



9 786239 847814